

Bước Không Qua Số Phận

Đỗ Duy Ngọc

*Đỗ Duy Ngọc sinh năm 1950 tại Đà Nẵng, hiện đang sống tại Sài Gòn. Ông kể lại cuộc đời mình và người bạn chí thân tên Nhân (Siêu Nhân) mà ông cho là một **Thiên Tài Bị Đoạ**. Cả 2 người đều là Sinh Viên ưu tú du học ở Pháp ...Cuộc đời 2 người thăng trầm theo vận mệnh từ năm 1964 đến năm 2011 là một đoạn đường rất dài ... Chuyện gì đã xảy ra? Chuyện hồi ký rất hay! Mời các bạn đọc:*

1.

Tôi học chung với Nhân từ năm 1964 lớp đệ ngũ. Trước đó, tôi có năm năm học nội trú trường Pellerin, một trường dòng Lasan ở Huế do các Frères giảng dạy. Những năm học ở đó, tôi luôn đứng đầu lớp, là niềm tự hào của các Frères phụ trách và gia đình. Nhưng từ khi về học ở Đà Nẵng, tôi chưa bao giờ vượt qua được Nhân. Lúc nhỏ tôi rất xấu tính, hay ganh tị, không muốn ai hơn mình. Do vậy, tôi chẳng ưa gì Nhân.

Thành phố này có hai ông Đốc. Một ông Đốc học phụ trách chuyện giáo dục của toàn thành, ông Đốc này là ba Nhân. Ông Đốc thứ hai là ông Đốc tờ, tức là ba tôi, quản lý ngành y tế của thành phố. Mấy ông quan chức thường tụ họp nhau vào sáng chủ nhật ăn sáng, uống cà phê, bàn chuyện thời thế. Sau khi mất nhiều thì giờ trao đổi chuyện chính trị, chuyện thế sự, chuyện tiếp đó thường là chuyện con cái. Và lần nào cũng vậy, việc học hành giỏi giang, thông minh của Nhân lại được đem ra tán dương. Mỗi lần nghe chuyện, tôi rất khó chịu. Tự nghĩ mình cũng học giỏi có thua gì Nhân mà chẳng bao giờ được nhắc tới. Nhân càng được ngợi khen, tôi càng thêm ghét hấn. Khác hẳn tôi, Nhân rất muốn làm thân với tôi.

Tôi càng tránh hấn càng cố đến gần. Lần nào gặp tôi hấn cũng nở nụ cười thật tươi, còn tôi thì mặt nặng như chì. Nhân đẹp trai, tuy người hơi thấp. Da trắng, mũi cao, mấy lọn tóc xoăn lúc nào cũng lòa xòa trước trán. Mỗi lúc nào cũng đỏ như son. Mà kẻ cũng lạ. Nhà ông Đốc học có năm người con, hai trai ba gái, chỉ có mình Nhân là đẹp, mấy đứa còn lại đứa nào cũng xấu như ma. Lại thêm có đứa con gái kể Nhân bị thần kinh, hay bỏ nhà đi lang thang, đứa em trai út thì bị bệnh down, lúc nào cũng ngơ ngác, nước dãi chảy lòng thòng. Vì cảnh nhà như thế nên ông Đốc học rất kỳ vọng ở Nhân, Nhân là niềm tin, niềm tự hào và cũng là lẽ sống của ông.

Học chung lớp với Nhân, càng ngày tôi càng thấy hấn giỏi, nhất là những môn toán, lý, hóa. Thầy dạy môn toán tên Thanh, thầy dạy rất hay, học trò rất mê. Thầy Thanh lúc nào áo quần cũng chải chuốt, tóc chải dầu bóng lưỡng, cách đi giọng nói rất điệu. Thầy hay cho làm toán chạy, tức là thầy đọc đề xong, trong năm hoặc bảy phút sau thầy chỉ nhận mười bài giải nộp nhanh nhất. Nếu giải đúng thầy cho điểm tối đa, còn giải sai thì khỏi có điểm. Nhân luôn luôn là người giải bài nhanh và đúng nhất. Khi nào hấn nộp trễ hơn một chút thì có nghĩa hấn giải bài toán đó bằng hai cách khác nhau. Lúc lên bảng giải toán hình học, hấn vẽ hình bằng tay trái còn tay phải ghi lời giải. Thầy Thanh nể hấn lắm, gặp thầy nào thầy Thanh cũng ca ngợi Nhân. Thầy còn bảo với Nhân là vào giờ của thầy, hấn không cần ghi chép, muốn làm gì thì làm. Các thầy dạy môn lý, hóa cũng bảo hấn thế. Nghe vậy, hấn chỉ cười, giờ học nào cũng ghi chép rất cẩn thận.

Không những học giỏi, Nhân còn đá banh rất siêu, đánh cờ tướng rất cừ. Lại thêm rất giỏi võ. Không biết hấn học võ từ khi nào mà tay hấn cứng như thép, cỡ mấy viên gạch xây nhà hoặc năm ba viên gạch thẻ chỉ cần hấn vung tay là bị bể đôi ngay. Hấn múa gậy vun vút, đá ném không chạm vào người hấn. Cỡ hai người công kênh nhau, người trên cầm mấy cục gạch, hấn chỉ cần lấy đà chạy ba bước, bay lên đá viên gạch vỡ nát. Hay nhất là trò tường. Nhân chạy lấy đà, tung người thẳng góc với bức tường, chạy thoăn thoắt lên trần nhà. Y như là mấy nhân vật trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Mỗi lần Nhân làm trò, cả bọn học trò chúng tôi trở mắt, há mồm mà nhìn, lắc đầu thán phục. Mọi người đặt cho hấn cái tên là Siêu Nhân. Tôi vừa sợ vừa ghét hấn. Tôi vốn ốm yếu, lại chúa nhát gan, chúng bạn gọi tôi là con mọt sách.. Cho nên dù không ưa, tôi cũng nể sợ hấn. Không biết có phải vì võ công thâm hậu quá mà đôi mắt của Nhân trông lạ lắm. Ánh nhìn như dao sắc, như có lửa, như muốn bóp nát người ta, đầy sát khí. Tôi thường tránh ánh mắt của hấn. Nụ cười của hấn thân thiện nhưng đôi mắt thì đầy hăm dọa.

Trong các môn học, tôi chỉ nhỉnh hơn Nhân môn Pháp văn và hai môn phụ là âm nhạc và hội họa. Bởi những môn này tôi được rèn luyện năm năm ở trường dòng Lasan. Nhưng đến năm đệ tam, tiếng Pháp của hẳn tiến bộ đến không ngờ, đến thầy giáo già dạy Pháp văn cũng ngạc nhiên. Sau này tôi mới biết là suốt cả mùa hè hẳn chỉ tập trung vào môn học đó, cả ngày nghe đài Pháp để luyện giọng và làm nhằm luôn mồm mấy từ vựng. Có một lần tình cờ tôi thấy trên bìa sách Pháp văn của Siêu Nhân có ghi câu bằng chữ in đậm **VOULOIR C'EST POUVOIR**. Có lẽ đó là quan niệm của Nhân.

Cuối năm đệ tam, Nhân lại khiến cho các Thầy và đám học trò thêm thán phục khi giải bài thi toán tú tài 1 ban B chỉ trong 27 phút. Hẳn lại tiếp tục là tấm gương cho các bậc cha mẹ thường nhắc nhở các con: gắng học cho giỏi như anh Nhân. Hẳn đi đến đâu cũng được mọi người trầm trồ khen ngợi. Bởi thời đó, người giàu có không được trọng nề bằng người học giỏi. Ngay cả những quan chức cũng rất trân trọng người tài, học trò giỏi. Năm học đó, hẳn lãnh phần thưởng lớn lắm, phải thuê xích lô chở về nhà. Ông Đốc học rất hãnh diện. Mà hãnh diện cũng phải thôi, cha mẹ nào lại không sướng khi có người con như thế.

Trong lớp chúng tôi, thường chia ra hai nhóm rõ rệt. Mấy đứa nhỏ con, học kha khá thường ngồi mấy bàn trên, còn mấy bàn cuối lớp mà mấy thầy gọi là xóm nhà lá toàn là mấy đứa bự con, ba trợn, chơi nhiều hơn học và thường chọc phá mọi người. Cầm đầu xóm này là thằng Hồ Lê. Đó là một thằng sừng sỏ tuy cũng có tố chất thông minh, học hành cũng không đến nỗi tệ. Hồ Lê người đen gòn, cao to lừng lững, mặt chữ điền, góc cạnh. Ngay trên trán có một vết sẹo dài khiến khuôn mặt của hẳn càng thêm vẻ anh chị. Hẳn bảo đó là vết tích chiến tranh. Hỏi thêm nữa hẳn sẽ trừng mắt hăm dọa nên chẳng ai dám lên tiếng thắc mắc nữa. Nhà Hồ Lê nằm trong hẻm sâu sau lưng nhà tôi, mẹ hẳn bán rau hành ở chợ. Nhà hẳn trợ trợ chỉ hai mẹ con và không bao giờ hẳn nhắc đến cha. Tôi sợ hẳn lắm, vì hẳn hình như rất ghét tôi, cứ tìm mọi cách để sinh sự. Mỗi lần gặp tôi hẳn thường dí tay vào trán tôi mà gầm gừ: đồ quý tộc dơ bẩn. Tôi cũng chẳng biết sao hẳn lại bảo tôi thế. Tôi vốn nhát như cáy nên thường tìm đủ mọi cách để tránh mặt hẳn. Tránh hẳn nhưng miệng lầm bầm: *“ĐM thằng Lê sẹo, rồi ông sẽ giết mày, anh hùng báo thù mười năm chưa muộn”*. Nói thầm thế thôi, chứ thấy bản mặt nó là tôi đã sợ chết khiếp, nổi gai cả người. Nhưng tôi càng tránh, hẳn lại tìm đủ mọi cách để trêu ghẹo tôi. Lúc thì đi đằng sau khều chân cho tôi té. Khi thì búng tai, giật tóc mai của tôi rồi cười cợt với một lũ âm binh ăn ké.

Một hôm chúng tôi được nghỉ tiết cuối, đang trên đường về nhà thì tôi bị đám thằng Hồ Lê chặn đường. Hẳn đứng trước mặt tôi, hai chân khuyếch khuyếch, cái mặt kên kên. Hẳn bảo tôi rúc dưới háng hẳn mà đi. Mặt tôi xanh như ớt nhái. Vừa tức vừa sợ. Miệng lắp bắp định van xin. Đường vắng teo, chẳng có ai có thể giúp tôi. Tôi nghĩ phen này chắc tiêu. Không chết vì nhục thì cũng óm đờn với hẳn. Hẳn xắn tay áo, hai cánh tay cuộn cuộn. Vung tay. Tôi nhắm mắt, tưởng như muốn đá cả quần. Hai chân muốn quy xuống, bởi tôi vốn nhát đòn. Tôi chờ đợi cú đấm như trời giáng của hẳn. Bỗng nghe tiếng hự..hự.. huỳnh huych... như ai đấm bao cát. Sao tôi chẳng thấy đau. Hé mắt nhìn, thấy thằng Lê đang nằm chổng gọng, mặt nhăn nhó, méo xẹo. Trước mặt hẳn là Nhân. Siêu Nhân. Nhân chỉ tay vào mặt hẳn và bảo:

- Tao cấm mày đụng đến thằng Ngọc, tao là bạn nó. Thằng nào ăn hiếp hẳn sẽ biết tay tao. Liệu hồn. Cút... Bọn thằng Lê chạy một mạch không ngoái đầu. Nhân vỗ vai tôi, cười:

- Đừng sợ chúng, cứ sợ mãi thì chúng cứ ức hiếp hoài.

Từ đó, tôi và Nhân thân nhau. Đi đâu cũng có đôi. Và đám thằng Lê cũng không dám đụng vào tôi nữa, dù ánh mắt nó cũng còn gầm ghè.

Đến lớp đệ nhị, tôi chọn ban A còn Nhân tiếp tục ban B. Bởi ba tôi muốn chuẩn bị cho tôi lên học y khoa nên bảo tôi học ban Vạn vật. Hơn nữa tôi cũng còn háo thắng, muốn học khác lớp với Nhân để được đứng đầu lớp, chứ học chung tôi không vượt qua được hẳn. Dù khác lớp nhưng chúng tôi vẫn đi chơi chung với nhau, gần bó với nhau như hai anh em. Nhân thường dẫn tôi đến quán nước ở góc sân trường. Chủ quán là chị Đàm. Tôi gọi bằng chị vì chị lớn hơn chúng tôi vài ba tuổi. Chị bị rối huê nên bọn học trò thường gọi là chị Đàm rô. Chị to lớn như đàn ông, giọng ồ ề, lại khoái hút thuốc lá nên môi thâm xì. Tuy vậy, chè đậu của quán chị rất ngon, nên lũ học trò rất khoái tụ tập ở quán chị. Chị Đàm lại rất ái mộ Nhân, xem Nhân như thần tượng, ánh mắt nhìn Nhân rất lạ. Tại quán đó, tôi bị chị dụ tập hút thuốc lá và thói quen này theo suốt đời tôi. Và cũng tại quán đó trong một buổi trưa trú mưa, tôi biết lý do tại sao Nhân cứ muốn làm thân với tôi.

Số là cạnh nhà tôi có một gia đình rất giàu có, là chủ của mấy rạp xi nê và khách sạn ở Đà Nẵng, Huế, Qui Nhơn và Nha Trang. Chủ nhân vốn xuất thân từ hoàng tộc tên Bửu Hân. Nhà có cậu con trai út tên Vĩnh Đệ còn nhỏ và hai cô con gái rất đẹp, cô chị tên Huyền Tôn Nữ Dạ Lan, cô em là Huyền Tôn Nữ Dạ Hương. Mỗi

cô có nét đẹp riêng. Dạ Lan đẹp kiều sa, đài các. Dáng thanh mảnh, thướt tha. Cổ cao ba ngón, da trắng như ngà, tóc dài chấm hông, mặt như Đức Mẹ, mắt lúc nào cũng buồn vời vợi. Suốt ngày ngoài giờ học chỉ thờ thần trong vườn đọc sách, đan len, chiều chiều lại đánh đàn piano cho đến tối. Dạ Lan thích mặc áo màu tím Huế. Dù là áo dài đi phố, đi lễ nhà thờ hay áo cánh đi chơi, cô chỉ chọn một màu tím rìm. Cô em Dạ Hương thì trái ngược với chị. Mới mười lăm tuổi mà bộ ngực đã tròn to khêu gợi. Tóc cắt ngắn, da rám hồng. Suốt ngày sau giờ học chỉ đi tắm biển và đánh quần vợt. Chỉ thích mặc áo thun và quần jean, cỡi xe Honda chạy vù vù. Đọc toàn báo Tây, hát toàn nhạc Pháp. Tuần nào cũng đi nhảy đầm với lũ bạn học cùng trường Lycée Blaise Pascal.

Vì ở cạnh nhà lại là đồng hương nên gia đình tôi rất thân với nhà đó. Lễ tết, giỗ chạp, tang ma hiếu hỉ đều qua lại với nhau. Nhân thích Dạ Lan. Nhân thổ lộ với tôi như vậy. Và Nhân muốn qua tôi làm quen với cô ấy. Chuyện dễ ợt, chẳng có chi khó khăn. Nhưng tôi lại bảo với Nhân là chuyện này khó lắm, cần phải có thời gian. Nhân cầm tay tôi lắc lắc:

- Cố nghe, cố nghe.

Việc làm ông mai tiến hành quá suôn sẻ, tôi ướm lời với Dạ Lan:

- Tôi có anh bạn ái mộ Dạ Lan lắm, anh ấy muốn tôi giới thiệu với Dạ Lan.

Cô ấy thoáng chút ngạc nhiên

- Ai vậy? Quen hay lạ?

- Dạ Lan biết người này mà.

- Nhưng mà ai mới được chứ

Tôi cười bảo:

- Anh Nhân, bạn thân của tôi

- Anh Nhân con ông Đốc Lễ phải không?

Tội gật. Dạ Lan cười:

- Tưởng ai.

Sau này, khi hai người đã gắn bó nhau, tôi mới biết hóa ra Dạ Lan cũng đã để ý đến Nhân lâu rồi. Thì trai tài gái sắc, đến với nhau là lẽ đương nhiên của cuộc đời.

Hai người yêu nhau thắm thiết lắm. Hai gia đình cũng thoáng biết nhưng chẳng có ý kiến gì. Mà thật ra còn đòi hỏi chi, vừa môn đăng hộ đối, vừa đôi lứa xứng đôi. Nhân cảm ơn tôi nhiều lắm. Chúng tôi hay đi chơi với nhau, ngoài tôi, Nhân, Dạ Lan còn có Dạ Hương. Thường là đi xem phim, đi ăn kem hoặc đi dạo bên bờ biển. Dạ Hương sôi nổi, nhí nhảnh còn Dạ Lan khép nép, dịu dàng. Một hôm, chúng tôi đi dạo trên bờ biển, trời vừa tối, chân trời rắng đỏ. Dạ Hương kéo tay tôi và bảo khẽ:

- Mình tránh đi cho anh chị ấy tâm sự, cứ như thế này thì anh chị ấy tâm tình làm sao được.

Dạ Hương kéo tôi chạy vào hàng phi lao, trời tối hẳn, những ngọn gió xào xạc. Theo đà chạy dưới cát lún, Dạ Hương ngã vào người tôi, ôm cứng, hơi thở gấp. Theo quán tính, tôi cũng ôm siết lấy nàng, hai bầu ngực căng khấp vào ngực tôi. Tôi thấy mình căng cứng. Dạ Hương vít đầu tôi xuống, hôn trên môi tôi. Tôi như đang bay bổng vì nụ hôn đầu đời. Tôi chẳng biết phải hôn trả lại thế nào nữa. Tôi lạng quạng và thả lỏng đôi tay. Bỗng dưng tôi cảm thấy sợ. Hóa ra tôi luôn luôn vẫn là thằng nhút nhát. Kiểu tấn công mạnh mẽ của Dạ Hương làm tôi hãi, dù phần dưới cơ thể của tôi đã đông cứng lại rồi. Tôi bỏ đi và như kẻ mộng du. Tôi bỗng muốn khóc. Dạ Hương chạy theo tôi hét lớn:

- Anh có phải là đàn ông không?

Tôi ngồi xuống giữa bãi cát và tự hỏi, mình có phải là đàn ông không?

Từ đó, Dạ Hương tránh mặt tôi, và tôi cũng có ý không muốn gặp nàng. Tôi vẫn tự nhủ mình tệ quá. Kỳ thi Tú tài 1 năm đó, tôi và Nhân đều đậu Ưu hạng. Cả hai gia đình rất vui. Hôm lãnh thưởng ở trường, đôi mắt của ông Đốc học ba Nhân ánh lên niềm tự hào, sung sướng và mãn nguyện. Còn đôi mắt của Dạ Lan thì tràn đầy hạnh phúc.

Ba tôi dù theo Tây học, nhưng lại rất mê nghiên cứu Kinh Dịch. Có một người Hoa thường đến trao đổi cùng ba tôi. Người này tên Lý Hạnh, chuyên nghề phong thủy và tướng số. Hai người tâm đắc lắm, thường nói chuyện với nhau cả buổi mà không chán. Một hôm, khi ba tôi và chú Lý Hạnh đang nói chuyện với nhau thì tình cờ tôi nghe được cả hai bàn về Nhân. Ông Lý Hạnh bảo:

- Cậu Nhân tướng toàn tốt, thông minh hơn người, nhưng ánh mắt lộ hung quang, tôi e cậu ấy nếu không học được chữ nhẫn sẽ phải phạm tội sát nhân, hậu vận xấu lắm.

Ba tôi trầm ngâm một lát rồi hỏi đến tương lai của tôi, Ông Lý Hạnh im lặng một lát rồi gật gù:

- Cũng tạm.

Ba tôi nhíu mày:

- Cụ thể là sao?

- Ông Đốc cũng đã nghiên cứu lý số. Số nói sao thì nghe vậy. Còn cụ thể thì chịu. Nhiều khi thiên cơ bất khả lậu

- Nhưng đôi khi cũng nhân định thắng thiên

- Dạ, cũng có thể.

Nghe được vậy, lúc đó tôi hơi hoang mang, nhưng rồi tuổi trẻ chóng quên. Tuy thế lâu lâu nhìn ánh mắt của Nhân, tôi cũng cảm thấy ghê ghê.

Cũng cuối năm ấy, Dạ Hương bỏ nhà đi. Có tin đồn đã kết hôn với một sĩ quan Mỹ ở Sài Gòn. Tôi cứ tự hỏi là mình có lỗi gì trong tai ương này không? Tết năm Mậu Thân 1968, chiến tranh lan vào nhiều thành phố. Huế bị nặng nhất, rất nhiều người chết trong những ngày xuân. Đà Nẵng cũng không tránh khỏi bị tấn công, nhưng không bị chiếm đóng. Sau Tết, lớp học thừa thớt hẳn, đưa đi lính, đưa đi đầu mất đầu. Trong những đứa vắng mặt, có Hồ Lê.. Nghe đồn nó đã lên núi, gia nhập quân giải phóng quân. Chúng tôi đậu Tú tài 2 dễ dàng. Nhân lại đậu Ưu hạng, tôi chỉ đậu Bình. Tôi lại thua Nhân....

Vào Sài Gòn làm thủ tục du học, thời gian chờ đợi khá dài, tôi ghi danh học Văn khoa, còn Nhân thi vào trường Kỹ sư Công nghệ Phú Thọ, học cho vui để quên thì giờ chờ đợi. Thế mà hẳn cũng đỗ hạng nhì kỳ thi tuyển vào Phú Thọ năm đó. Tôi vừa xong lớp dự bị ban Văn chương Việt Nam thì có giấy lên đường. Ngày tôi và Nhân rời Việt Nam đi Pháp du học, hai gia đình tiễn ra phi trường. Ba Nhân ôm vai Nhân:

- Gia đình và giòng họ tin tưởng vào con. Ba tin chắc con làm được như ước nguyện.

Nhân gật gật đầu, mắt lóe lên niềm hy vọng lớn lao. Dạ Lan mặc áo dài tím, quần khăn quàng tím nhạt, nước mắt hoen mi. Dạ Lan cầm tay Nhân lắc mãi mà chẳng nói gì. Ba tôi bắt tay tôi, bảo khẽ:

- Cố lên nhé!

Hôm qua tôi và ba đã nói chuyện với nhau rất lâu về chuyện truyền thống ba đời làm ngành y, về việc phải tiếp nối nếp nhà. Thật ra, tôi chẳng thích thú gì chuyện du học. Tôi sợ cô đơn ở xứ người, tôi sợ những bất trắc sẽ xảy đến mà chung quanh chẳng có ai giúp đỡ. Tôi như con chim non được nhốt trong lồng son, giờ được thả ra, chẳng định được phương nào để bay đến. Nhưng tôi phải bay đi. Đi và mang theo niềm hy vọng của cả gia đình. Bước lên máy bay, nước mắt tôi cứ muốn trào ra, hai bàn chân tôi như có gì níu lại. Rời Việt Nam, tôi vẫn chưa có mối tình nào vắt vai, không có cô gái nào đưa tiễn. Tôi thấy Nhân hạnh phúc vì còn có tình yêu để đợi chờ.

Chuyến bay kéo dài hơn hai mươi tiếng đồng hồ, chúng tôi nói nhiều chuyện với nhau về tương lai. Thế giới đang mở ra với chúng tôi, và cả hai đang bước vào và tin sẽ chiến thắng. Hai đứa vẽ ra cảnh tượng lúc thành đạt trở về trong niềm hoan hỉ của mọi người. Nhân bỗng bảo tôi:

- Cậu chơi piano thế cậu có biết loại đàn nào tốt nhất không?

- Để làm gì, sao tự nhiên lại đi hỏi về đàn lúc này?

- Thì cứ nói đi

- Theo mình biết thì hiện nay đàn hiệu Steinway & Son là tốt nhất, ở Việt Nam chỉ có một hai cái. Nhưng đắt lắm. Cậu đang có ý định gì vậy? Nhân lim dim mắt, cười cười, nhìn ra bầu trời trong xanh:

- Khi nào thành đạt, làm ra tiền, mình sẽ mua cho Dạ Lan một cây đàn như vậy.

2.

Chúng tôi chia tay nhau ở phi trường, Nhân sẽ ở lại Paris thi vào trường Đại học Bách khoa Paris. Tôi lại tiếp tục đi gần 750 cây số nữa về Montpellier, một thành phố nằm gần biển Địa Trung Hải, để thi vào trường Y. Đại học Montpellier là một trong những trường đại học Y khoa nổi tiếng thế giới, nơi đào tạo nhiều nhà khoa học đã được nhiều giải thưởng y học quốc tế. Phải mất 9 tháng học dự bị tôi mới thi đậu vào trường, dù chỉ đứng thứ 26, nhưng cũng vui vì đã đi được bước đầu. Nhân thành công hơn tôi nhiều. Chỉ mất 6 tháng, Nhân đã đỗ thủ khoa vào trường Đại học Bách khoa Paris (École polytechnique) Đây là trường đào tạo kỹ sư danh giá nhất nước Pháp. Đứng ra Nhân phải học đủ một năm dự bị theo chương trình EV1 dành cho học sinh Pháp và các nước nói tiếng Pháp. Nhưng chỉ một thời gian ngắn học ở Lycée Louis – Le – Grand, Ban giảng huấn ở

đó nhận thấy Nhân quá xuất sắc nên đặc cách cho thi trước thời hạn. Mục đích phấn đấu của các sinh viên học trường này là trở thành nhân lực cấp cao của nước Pháp và thông thường 10 sinh viên đứng đầu sẽ được lựa chọn trở thành Corps de Mines, được tham gia chương trình đào tạo nhân lực lãnh đạo tương lai. Đây cũng là trường đã tạo ra ba vị tổng thống của nước Pháp: Valéry Giscard d'Estaing, Sadi Carnot, Albert Lebrun. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn và giáo sư Nguyễn Văn Xuân của Việt Nam cũng tốt nghiệp từ trường này

Nhân là người nước ngoài đầu tiên đỗ thủ khoa kỳ thi tuyển vào trường, nên trở thành một sự kiện được báo chí Pháp chú ý. Hình chân dung của Nhân được đăng trên nhiều tờ báo, là niềm tự hào của giới sinh viên du học và những người Việt Nam đang ở Pháp thời bấy giờ. Ở Montpellier, trong giới sinh viên cũng bàn tán chuyện này dữ lắm. Nhưng Nhân không ngừng lại ở đó, trong thời gian theo học, Nhân là một nhân vật nổi bật toàn diện. Không những học giỏi, Nhân còn là cầu thủ xuất sắc của đội bóng tròn sinh viên Paris, là kỳ thủ không thể qua mặt của bộ môn cờ, Nhân còn là huấn luyện viên võ thuật của võ đường trong khu đại học, đồng thời đã mang về cho trường rất nhiều huy chương trong các cuộc thi đấu. Hình ảnh Nhân liên tục được đăng trên các báo sinh viên và một số báo thể thao. Đã có lần một câu lạc bộ nhà nghề nổi tiếng của Paris đề nghị Nhân ký hợp đồng để được đào tạo làm cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp, nhưng Nhân từ chối. Tiếng tăm Nhân vang dội trong cộng đồng sinh viên của các trường đại học, Nhân đã từng được tiếp đón và nhận phần thưởng của tổng thống Pháp lúc bấy giờ là Georges Pompidou ở điện Élysées. Nhân được đặt tên là Super Man, cái tên mà hồi ở Việt Nam mọi người đã đặt cho hấn. Hóa ra siêu nhân thì ở vòm trời nào cũng là siêu nhân. Còn con chim chưa định được đường bay là tôi vẫn là cậu sinh viên nhút nhát và không chút tự tin, dù là ở phương trời nào, lúc nào cũng quán quanh trong chiếc lồng vô hình chật chội của mình.

Với những thành tích và tính cách của Nhân, Nhân mau chóng trở thành lãnh tụ của các phong trào sinh viên, lúc đầu là anh cả của các môn thể thao, dần dà, Nhân lại làm luôn lãnh tụ chính trị với nhiều tham vọng. Thời điểm bấy giờ, cuộc chiến tranh Việt Nam đã đến cao điểm. Mỹ liên tục ném bom miền Bắc, cuộc chiến đấu ở miền Nam càng ngày càng nhiều máu lửa. Sinh viên Việt Nam đi du học hàng ngày nhìn thấy những đổ nát, những tàn phá, máu xương rơi của chiến tranh, lại thêm chính quyền miền Bắc và Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên truyền ở Âu châu rất mạnh, nên đa số đều tham gia chống chiến tranh, kêu gọi hòa bình với một ý thức chính trị rất mơ hồ. Lực lượng này rất mạnh và rất đông đảo. Và tham gia phong trào chống Mỹ trở thành một cái mốt của người trí thức. Nhân thì ngược lại, hấn làm lãnh tụ một nhóm sinh viên ủng hộ chính quyền Việt Nam Cộng hòa, chuyên phá đám các cuộc biểu tình và tuần hành của nhóm sinh viên kia. Đụng độ giữa hai phái xảy ra như cơm bữa.

Đúng thời điểm này thì chúng tôi nhận hung tin từ Việt Nam. Mẹ tôi và mẹ Nhân trong một chuyến hành hương về La Vang, Quảng Trị, trên đường về thì xe bị lật vì trúng mìn. Mẹ Nhân tan xác tại chỗ, mẹ tôi được đưa vào bệnh viện Trung ương Huế, nhưng rồi cũng từ trần ở đó. Tôi điện thoại cho Nhân, khóc nức nở trong điện thoại, Nhân chỉ ậm ừ khuyên lớn tôi. Tôi đòi bỏ về Việt Nam ngay, nhưng Nhân khuyên nhủ, động viên tôi ở lại tiếp tục học và phải cố học tốt hơn nữa, đó cũng là một cách để khỏi làm buồn lòng mẹ. Tôi nghe lời Nhân, nhưng lòng thì tan nát, dạ rối bời, chẳng thiết ăn uống gần mấy tuần liền. Riêng Nhân từ đó càng lao vào những cuộc đấu tranh để ủng hộ phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa đang ở Paris để hội đàm tìm cách giải quyết chiến tranh. Nhân mơ ước ngày trở về sẽ trở thành một công chức cốt cán của chính quyền miền Nam, với những đổi thay và cương lĩnh mới.

Hiệp định Paris được ký kết, Nhân cay cú vì bảo rằng chính quyền miền Nam đã bị Mỹ lừa. Nhân càng hoạt động mạnh hơn, quyết liệt hơn. Và trong tâm trạng đó, Nhân đã phạm một sai lầm oan nghiệt, chấm dứt mọi ước mơ và hoài bão. Cắt đứt tương lai đang rộng cửa. Trong khu đại học xá, Nhân được bố trí ở cùng chung phòng với Thành, cũng là một du học sinh học trường Bách Khoa Paris, học sau Nhân một khóa. Thành là con trai của Chủ tịch Tối cao Pháp viện của chính quyền miền Nam, nhưng Thành lại là lãnh tụ của phong trào thiên tả ủng hộ Cộng sản. Thành cũng là một thành viên rất cực đoan của lực lượng này.

Từ lâu, cả hai đã có nhiều lần tranh cãi nhau dữ dội vì những quan điểm xung khắc nhau về cuộc chiến đang xảy ra. Khi hiệp định Paris vừa có hiệu lực thi hành, Nhân trong cơn bực tức đã nổ ra cuộc đấu khẩu với Thành và trong lúc không kiềm lòng được đã bay đến phóng chân đá vào đầu Thành ngay trong phòng của hai người. Thành gãy cổ chết ngay lập tức, máu trào khé miệng. Nhân bị bắt ngay. Báo chí đưa tin hàng giờ. Tôi ở Montpellier đọc báo thấy đăng hình của Nhân, nhưng lần này không phải là khuôn mặt tươi cười, hớn hở như xưa mà là tấm hình Nhân cúi đầu đi giữa đám cảnh sát, hai tay bị còng, những sợi tóc xoắn trước trán rũ xuống khuôn mặt nhợt nhạt không còn chút sinh khí. Tôi chợt nhớ nhận định của chú Lý Hạnh ngày nào và

bồng tin vào số mệnh. Tôi bay ngay về Paris, nhưng không được gặp trực tiếp Nhân. Hắn đang bị cách ly để điều tra. Sau một thời gian, Nhân bị trục xuất và dẫn độ về Sài Gòn với cái án giết người. Tôi lại chỉ gặp được Nhân qua hình trên báo đăng hình Nhân ở chân phi cơ lúc bị dẫn độ, tay Nhân vẫn bị còng và Nhân vẫn lại lợt thòm giữa đám cảnh sát với khuôn mặt hớt hải.

Tôi nhận được thư Nhân lúc trở về Montpellier, Trong thư Nhân dặn dò tôi là không được tin cho ai ở nhà biết việc này, đồng thời Nhân cũng nhờ tôi là khi nào nhận được thư Nhân với hai phong bì, tôi phải bỏ bì thư ngoài và gửi lại cái thư bên trong về Việt Nam cho gia đình Nhân, nếu nhận được thư của ba Nhân, tôi lại gửi về Sài Gòn làm như là Nhân vẫn đang ở Pháp vậy. Nhân khuyên tôi cố gắng học cho xong và xin lỗi tôi, tôi chẳng biết Nhân xin lỗi tôi vì lý do gì. Mỗi lần đi gửi thư về cho ba Nhân, tôi cảm thấy mình đang làm một chuyện tội lỗi tày đình vì đang đánh lừa ba Nhân, người đang hy vọng về đứa con thiên tài của mình. Lần nào đi gửi thư, tôi cũng khóc. Không biết bao giờ tôi mới bỏ được kiêu thường hay rơi nước mắt như thế này.

Năm 1972 tôi đang học năm thứ hai Y khoa, tôi bỗng chán nản cùng cực và ý thức một cách rõ ràng là nghề y không phù hợp với tôi. Tôi sợ thấy máu chảy. Tôi sợ những khuôn mặt nhăn nhó, đau đớn vì bệnh tật của bệnh nhân. Tôi cũng biết rất rõ mình không đủ phẩm chất để làm người thầy thuốc. Tôi quá nhạy cảm trước mọi sự. Tôi chỉ mong ước mình trở thành họa sĩ, suốt ngày lang thang vẽ vời, sáng tạo, đùa giỡn với sắc màu, không phải đối diện với những nỗi đau bệnh tật, máu me, chết chóc của con người như nghề bác sĩ. Nếu cứ tiếp tục cố nhồi nhét những kiến thức y khoa như thế này, chắc chắn tôi sẽ điên mất. Trước đây tôi chọn học y vì ba tôi bắt phải thế, lúc đó tôi vẫn chưa có ý thức về nghề, về tương lai. Nhưng bây giờ, qua gần ba năm, tôi tuyệt vọng vì thấy mình đang đi lần vào một hố thẳm và sợ hãi khi nghĩ đến việc suốt đời phải gắn bó công việc khủng khiếp này.

Và rồi tôi đi đến quyết định cuối cùng. Đây là quyết định đầu tiên trong đời do tôi tự quyết. Không biết tương lai rồi sẽ ra sao, nhưng tôi có chút hài lòng vì đã thoát ra được bế tắc. Ít ra con chim rời lồng son cũng đã tự định hướng cho đời mình. Tôi bỏ trường Y, thi vào L'Ecole supérieure des Beaux – Arts de Montpellier Agglomération, tức trường Trang trí Mỹ thuật Montpellier. Học trường này có nghĩa là tôi sẽ bị mất học bổng ở trường cũ, do vậy kể từ đó cuộc sống của tôi bấp bênh, no đói thất thường, làm nhiều nghề để kiếm cơm và để được học những thứ mình ưa thích. Nhưng tôi vốn vụng về và hậu đậu, chẳng làm tốt được chuyện gì, đi đưa báo thì đưa lộn địa chỉ, làm bồi rửa chén thì chuyên làm vỡ bát đĩa, đi giao sữa thì đổ sữa lai láng trước cửa nhà của khách. Bởi từ bé cho đến lớn, tôi chỉ việc học, ba mẹ tôi không cho tôi làm gì ngoài chuyện phải học thật giỏi. Lối giáo dục đó làm cho tôi vấp phải thất bại trong bước đầu trong cuộc đời.

Trong các thầy giáo dạy ở trường Mỹ thuật, có giáo sư Alain Bourdon dạy rất giỏi, thầy được gọi là họa sư. Thầy rất thương tôi và biết rất rõ tình trạng của tôi nên thường tìm cách giúp đỡ. Lúc thì kẹp ít tiền trong sách của tôi, khi thì giỏ thức ăn. Cuối tuần, Thầy thường đón tôi về căn nhà ở ngoại ô của Thầy. Ở đó, tôi được ăn no nê và được Thầy dạy thêm những kiến thức vô cùng quý báu. Vợ Thầy đã mất cách đây bốn năm vì bệnh ung thư, Thầy ở với cô con gái duy nhất khoảng 18 tuổi tên Monique rất đẹp, khuôn mặt thánh thiện, sáng bừng như thiên thần. Monique thường nhờ tôi đệm piano cho cô ấy hát, Monique có một giọng hát trong trẻo và cao vút rất hợp với nhiều bài Thánh ca cũng như những bài ca dân dã. Tôi thường đọc thơ cho nàng nghe, những bài thơ của Arthur Rimbaud, Paul Verlaine ..., Guillaume Apollinaire và cả thơ Tagore. Monique rất thích bài thơ L'Adieu của Apollinaire, nhất là khi tôi ngâm bài thơ này bằng giọng Quảng Nam, mỗi lần nghe xong, nàng bật cười ngặt nghẽo, cứ giả giọng của tôi rồi cười khanh khách, nhưng đôi mắt thì ngập nước:

"J'ai cueilli ce brin de bruyère L'automne est morte souviens- t'en Nous ne nous verrons plus sur terre Odeur du temps Brin de bruyère Et souviens- toi que je t'attends "

(L'Adieu – Apollinaire)

Monique rất quý tôi, tuần nào tôi không về, cô ấy gửi bánh trái cho Thầy Alain mang lên cho tôi. Biết thân phận mình, lại vẫn cái tánh nhút nhát, không tin vào mình, nên dù có rất nhiều cảm tình với nàng, tôi vẫn không dám ngỏ, cứ mặc cảm mình không xứng đáng. Chúng tôi thường đi dạo trên con đường mòn của cánh rừng sau nhà, cùng đi qua đủ bốn mùa. Mùa thu sắc đỏ, lá vàng ngập lối đi. Mùa hạ bầu trời xanh và mặt nước hồ gợn sóng lăn tăn Mùa xuân với những cành lá biếc, hoa nở tím cả rừng và mùa đông với những cành trơ trọi, trời lạnh giá, trên cổ mỗi người quấn chiếc khăn quàng do Monique tự tay đan. Trong những buổi cùng lang thang, hái hoa, nghe tiếng chim líu lo, chúng tôi nói với nhau đủ thứ chuyện trên đời. Nhưng cũng có khi trên đường về, hai đứa cứ im lặng suốt cả con đường dài, nhưng vẫn ngập tràn một thứ hạnh phúc khó diễn tả nổi. Tình

yêu đến nhẹ nhàng, trong như giọt sương, tôi không dám động mạnh, chỉ sợ nó vỡ tan. Và ánh mắt nhìn nhau, nụ cười trao nhau như những lời ước hẹn, đổi trao diễn ra trong im lặng. Mỗi khi đến nhà của Thầy Alain, được ngồi ăn chung với hai bố con Thầy, được nhìn khuôn mặt đẹp tựa thiên sứ của Monique, nghe tiếng hát trong veo của nàng, tôi cảm thấy cuộc đời thật tươi đẹp và mong ước mình cứ được mãi như thế này...

Nhưng số phận lại giáng xuống đời, khi tôi vừa xong năm thứ hai đang kỳ nghỉ hè thì tai họa ập đến gia đình Thầy Alain. Trong chuyến đi về Paris của hè năm ấy, họ đã bị tai nạn giao thông. Thầy Alain chết ngay trên volant, Monique bị thương nặng, được chở vào bệnh viện, một tuần sau thì mất... Tôi bay về Paris ngay khi được tin và chăm sóc Monique suốt một tuần nàng thoi thóp, mê man trên giường bệnh, suốt ngày tôi quên ăn uống, chỉ ngồi nắm trong tay bàn tay bé nhỏ lạnh giá của Monique, chờ phép lạ. Đến hôm cuối cùng, Monique mở mắt nhìn tôi rất lâu, hai dòng nước mắt chảy dài trên má nàng, mặt tôi cũng đầm đìa nước mắt. Môi nàng mấp máy: Je t'aime... Je t'aime... và bàn tay rời khỏi tay tôi. Phép lạ đã không đến. Chúa cũng đã quay mặt đi trước nỗi đau của thiên thần. Tôi gần như không kêu lên được tiếng gọi y tá cấp cứu, cổ họng tôi đông cứng và tôi đứng chôn chân gần mấy tiếng đồng hồ trong niềm tuyệt vọng như bức tượng đá bên giường. Tôi không tin đó là sự thật. Suốt cuộc đời, tôi không bao giờ quên được ánh mắt và câu nói cuối cùng đó. Câu nói của Monique như vết khắc trong tim tôi, không phai.

Tôi đau đớn tột cùng trước cái chết của cha con Thầy Alain, người tôi xem như người cha thứ hai của mình. Và Monique, mối tình đầu của tôi, mối tình cảm chưa dám ngờ của tôi. Tôi có cảm tưởng mình đã bị rút hết tất cả sinh lực. Tôi mất ngủ, lang thang như kẻ điên suốt mấy tháng dài. Tôi chẳng còn thiết tha gì chuyện học hành và tương lai. Thiên thần Monique của tôi hiện ra như ánh chớp, lóe sáng đời tôi một khoảnh khắc rồi bay về trời. Nàng như một thứ định mệnh làm thay đổi ý nghĩ của tôi về cuộc sống. Cái chết của mẹ tôi, mẹ Nhân, của Thầy Alain, của Monique khiến tôi thấy cuộc sống này chỉ là một ảo ảnh, có đó rồi mất đó. Hiện hữu rồi tan vào hư vô. Sống chết là một ranh giới quá mỏng manh. Cuộc sống chỉ là một ánh chớp. Tôi đóng cửa suốt ngày và cứ nghĩ về lẽ tử sinh. Và rồi số phận lại đổi thay, tôi ngộ ra rằng những tham vọng, những ước mơ, những hoài bão, những cố gắng cuối cùng rồi cũng sẽ được chấm hết bằng một cái chết do muôn ngàn bất trắc của đời sống. Thế thì ham danh vọng để làm gì, mãi mê theo những ảo vọng để làm gì?

Tất cả thật ra rồi cũng chỉ là ảo ảnh. Và tôi buông tay, thả cuộc đời mình cho những con sóng của số phận. Tôi bỏ lại tất cả và trở về Việt Nam

3.

Tôi không dám về quê, cố bám lấy Sài Gòn. Tôi tìm gặp Nhân, hai đứa thuê chung căn phòng ở khu Trương Minh Giảng. Tôi và Nhân bàn cách để tránh những người quen biết. Tôi để tóc, râu dài thậm thụt, Nhân cũng thế. Hai đứa thường mang đôi kính đen, ban đêm thì mang kính đổi màu. Hàng tháng, tôi và Nhân viết thư gửi qua Pháp cho một người bạn, anh này lại bỏ phong bì ngoài, gửi tiếp về Việt Nam cho ba tôi và ba Nhân.. Và nhận những lá thư từ gia đình gửi qua chặng Đà Nẵng – Pháp – Sài Gòn. Chúng tôi lại tiếp tục lừa dối và loay hoay trong lừa dối tự mình bày ra.

Lúc Nhân vừa bị dẫn độ về Sài Gòn, ông chủ tịch Tối cao Pháp viện, tức là bố của Thành, người bị Nhân giết chết bằng cú đá oan nghiệt, đang chuẩn bị ra tranh cử dân biểu quốc hội. Không muốn bị báo chí phanh phui là có con theo Cộng Sản bị giết chết nên ông này tìm mọi cách im vụ đó đi. Nhân chỉ bị đưa ra tòa bí mật và kết luận là gây án ngộ sát trong tình trạng thần kinh không bình thường, nên được trả tự do sau hai tháng giam giữ.

Được một người bạn du học Mỹ về đang làm Tổng cục trưởng, Nhân được bố trí làm việc ở Tổng cục gia cư, chuyên về xây dựng. Khi tôi về, Nhân lại giới thiệu tôi vào làm với nhiệm vụ họa viên vẽ họa đồ. Để trốn khỏi đi lính, Nhân mua cho tôi một cái giấy hoãn dịch vì lý do sức khỏe và hẳn thì hoãn dịch vì gia cảnh. Cả hai đều là giấy giả. Đi làm lương cũng khá khá đủ sống, nhưng hai thằng sống như hai thằng buôn thuốc phiện lậu, lúc nào cũng lén lén lút lút, cứ sợ gặp người quen với gia đình và cũng phải trốn tránh bọn cảnh sát chim nổi đầy mọi ngõ ngách. Cả hai trường hợp nếu bị phát giác cũng đều đưa đến kết quả bị thảm cả. Thế mà tôi cũng

phiêu lưu dám ghi danh học tiếp ở Đại học Văn khoa. Vừa làm vừa học, dù ít khi có mặt ở giảng đường. Từ đó, tôi cảm thấy mình an phận, chấp nhận số phận do mình chọn lựa.

Nhưng hình như Nhân không nghĩ giống tôi. Có rất nhiều khi Nhân không cười, không nói, làm lì suốt cả tuần lễ, có lúc lại uống rượu đập bàn, đập vỡ ly chén, uống say mềm và khóc tức tưởi. Những lúc như vậy, tôi chỉ biết ngồi im vì ánh mắt của hắn lúc đó trông như ánh mắt của quỷ dữ, như con thú bị dồn đến đường cùng. Có một điều lạ nữa là Nhân không bao giờ nhắc đến Dạ Lan lúc tỉnh táo, mặc dù tôi biết Nhân nhớ thương nàng nhiều lắm. Nhưng cứ đến khi say, hắn khóc và réo mãi tên Dạ Lan. Khi tỉnh, nếu tôi vô tình nhắc đến tên nàng, Nhân quắc mắt lên rất dữ tợn, riết rồi tôi chả bao giờ dám nhắc đến cái tên đó nữa.

Hàng tuần, cứ mỗi chiều thứ bảy khi đi làm về, Nhân lại mua một bó hoa lớn, vào nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, ngồi trước mộ Thành đến tối mịt mới về. Tôi hiểu tâm trạng của Nhân nên cũng chẳng có ý kiến, nhưng tôi tự nghĩ, một cú đá đã giết chết cuộc đời của hai người: cái chết tức thời của Thành và cái chết dai dẳng của Nhân. Cú đá đã làm cho cuộc đời của Nhân qua một ngã rẽ để đi tới hố sâu thăm thẳm.

Chúng tôi sống bình lặng chẳng có gì đáng kể như thế cho đến biến cố 30 tháng 4 năm 1975.

4.

Những tin tức chiến sự dồn dập, Tây nguyên thất thủ, Huế mất, Đà Nẵng mất. Hàng trăm ngàn người trôi dạt trên biển từ miền Trung, lớp lớp người trên những con đường đầy xác chết. Cuộc chiến đi vào những giây phút cuối cùng. Sài Gòn rung lên từng phút. Hai trái bom CBU nổ trên tỉnh lỵ Long Khánh. Thành phố nhốn nháo. Thành phố lo âu. Thành phố chuẩn bị cuộc hỗn loạn đang chuẩn bị ập tới.

Tôi và Nhân vẫn bình chân như vại. Sáng sáng vẫn ngồi cà phê chờ xe đến rước đi làm. Thiên hạ bàn tán nhiều đến chuyện ở, chuyện đi. Hai thằng không quan tâm. Cũng đúng thôi, vì chúng tôi từng ở bên đó về, đã thấm những nỗi nhục nhằn, đã chấp nhận nhát búa của số phận. Không lẽ bây giờ lại trở lại tiếp tục chui đầu vào con đường cũ. Những ngày cuối cùng của tháng tư, công sở đóng cửa, hai đứa ngồi nhìn thiên hạ xôn xao lòng dửng dưng. Nhưng đến hôm 29.4 thì bỗng nhiên cả hai thấy sợ trước những lời đồn đoán.

Nửa đêm hai đứa vùng dậy, đem hết giấy tờ, hình ảnh liên quan đến những năm tháng du học ở Pháp ra đốt. Nhân có cả mấy thùng lớn loại này, những hình ảnh thời Nhân còn được gọi là Super Man trên đất Pháp. Ngọn lửa bập bùng suốt đêm. Tôi chỉ giữ lại mấy tấm hình tôi chụp chung với Thầy Alain và Monique, mấy bức tranh tôi vẽ ở trường Mỹ thuật tôi đã chọn lựa để đem về Việt Nam. Đó là những kỷ vật tôi không thể để mất được, dù tôi hiểu có thể sẽ đưa đến hậu quả không may.

Sài Gòn sau đó là một Sài Gòn khác. Những lều quán bỗng dựng mọc lên trên những con phố. Chủ quán là chị cave, cũng có thể là vợ của một anh sĩ quan nào đó, cũng có thể là một nghệ sĩ, một nhà báo không còn được sử dụng. Thiên hạ nháo nhào đổ ra đường kiếm sống, cuộc sống bị xáo trộn ghê gớm, chẳng còn phân biệt được đâu là ông, đâu là thằng của những con người cũ. Chúng tôi suốt ngày lê la hàng quán, đầu lảo quên thời gian mà không biết rồi ngày mai sẽ ra sao. Có người rủ mở quán, có đứa kêu đi bán đủ thứ thứ tàn dư của xã hội cũ lọc lừa mấy chàng bộ đội khờ khạo, có thằng rủ đi bán thuốc Tây. Có đám rủ rê vượt biên. Có người nhỏ to tính chuyện tổ chức phản động. Chúng tôi phớt lờ tất cả. Cứ bán dần những thứ còn lại trong mớ đồ đạc sống qua ngày.

Sống lây lắt mấy tháng như vậy thì chúng tôi bắt đầu bế tắc. Công việc không có, áo quần, giày dép, mắt kính, sách vở, túi xách, va li lần lượt lên đường. Đùng một cái, đổi tiền lần thứ nhất (2.9.1975), chúng tôi chẳng có xu nào để đổi. Bắt đầu những ngày khốn khó. Có nhiều bữa chỉ còn đủ tiền mua một lon gạo và một quả trứng. Hai thằng luộc rồi chia trứng làm bốn mảnh, tưới nhiều nước mắm, dành ăn cho hai bữa. Có ngày chỉ còn mấy miếng khoai mì mua được dọc đường... Rồi không ai bảo ai, cả hai bắt đầu tản ra, mỗi thằng tự đi, tự kiếm ăn, tối về ngủ. Nhân bỗng cộc cằn, dễ nổi nóng, tối ngủ cứ đá vào tường suốt đêm... Rồi tới một ngày, chúng tôi chia tay nhau, Nhân bỏ đi mất hút...

Tôi bắt đầu đói dữ, có ngày chỉ được trái chuối, có hôm chỉ được củ khoai. Người tôi xanh mướt, xuống sức dữ dội, chỉ còn 39 ki lô. Tôi đành phải chấp nhận vào làm bưng bê trong quán cà phê ven đường của vợ chồng người bạn họa sĩ, kiếm cơm ăn. Nhưng cũng chỉ được mấy tháng, hai vợ chồng người bạn bị bắt vì có dính líu chính trị sao đó chẳng biết. Tôi lại trôi như bèo. Bèo nhèo. Tôi cũng chẳng có chút tin tức gì về Nhân, không biết hắn sống ra sao. Mù tăm.

Tôi đã đói tới ngày thứ ba, ba ngày chỉ có củ khoai lang và ly nước đường uống lậu ở quán con Sáu ốm. Người mệt lả. Thèm đủ thứ. Thấy gì cũng muốn giật bỏ vào mồm. Mệt. Người cứ như đang say sóng. Nhưng cũng cứ phải ra đường, vì ra đường mới hy vọng có miếng ăn. Đói, nhưng cũng quần áo chỉnh tề, giày vớ đầy đủ, nghiêm chỉnh ra đường như một kẻ nhân du. Ra đường đứng lơ ngơ, đi lơ ngơ không mục đích. Và trong khi lơ ngơ như thế, tôi phát hiện phía bên đồng rác ở chân cầu Trương Minh Giảng có chiếc xe đạp ai bỏ đó. Tôi đứng gần hai tiếng đồng hồ phía bên này đường, không thấy ai đến lấy. Tôi chờ thêm thời gian nữa, rồi băng qua đường. Chỉ việc tỉnh queo dắt xe đi, làm như xe của mình là xong. Bán đi sống cũng được năm mười bữa. Tôi đã chạm tay vào ghi đông xe. Nhưng rồi rút tay lại như phỏng lửa. Hình như có người nhìn tôi. Hình như mọi người nhìn tôi. Hình như mọi người đang cùng chỉ tay vào tôi và đồng thanh: thằng ăn cắp.. thằng ăn cắp... Trong đầu tôi cũng vang lên điệp khúc đó: thằng ăn cắp.. thằng ăn cắp...

Tôi lại lủi vào chợ. Những món hàng bánh trái lèo tèo nhưng hấp dẫn tôi vì cơn đói đang hành hạ. Có một chị đang bế con đi qua. Đứa bé khóc ngặt nghèo đòi ăn quà. Chị ngồi xuống gánh chuối chiên. Những miếng chuối chiên vàng quynh rữ. Nước miếng chảy ra đầy miệng tôi. Tôi nghe có tiếng dòn rụm trong hàm răng, vị giòn ngọt, beo béo tỏa trên đầu lưỡi. Thằng bé vẫn khóc. Người đàn bà đứng lên, đưa bé tay cầm miếng bánh, miệng vẫn khóc, người vùng vằng. Tôi chắc chắn trong đầu là thằng bé sẽ đánh rơi miếng bánh. Tôi lặng lẽ đi theo. Thằng bé làm rơi bánh thật. Tôi cúi người lẹ như sóc, lượm nhanh và tạt ngay vào con hẻm nhỏ.. Miếng bánh tưởng sẽ ngon vô cùng vì cơn đói, nhưng vừa bỏ bánh vào miệng, hai dòng nước mắt chảy dài trên mặt tôi, những miếng bánh vỡ như những mảnh vỡ của thủy tinh xé nát buồng ngực tôi. Tôi đau đớn và nhục nhã....

Tráng là người bạn học chung ở Văn khoa, hắn là chuyên gia đạp xích lô. Tôi tìm tới hắn, nhờ bảo lãnh thuê một chiếc ở hẻm Trần Quang Diệu. Tôi chưa chạy xe xích lô lần nào, nhưng nghĩ Tráng chạy được thì tôi cũng sẽ chạy được. Nghĩ đơn giản ai dè trèo lên mới thấy không phải dễ ăn. Tập vài vòng thì cũng tạm chạy được. Tráng bảo tôi chạy về Trần Quốc Toàn, chỗ chợ cá sẽ có mối. Đúng là vậy, một bà mập béo và đôi thùng đầy nhóc cá lóc thuê tôi chở về chợ Trương Minh Giảng. Chỉ chạy đến ngã sáu Lê Văn Duyệt là tôi đã đuối hơi. Chân bắt đầu nặng, thở hổn hển. Tôi ráng đạp, nghĩ rằng chỉ qua tới Yên Đỗ, queo, qua được cầu là xong. Sẽ có bữa ăn cho trưa nay... Nhưng tôi không qua nổi cầu, ba bánh xe như có ai ghì lại, không lên nổi dốc, dù tôi đã gồng hết đôi chân. Chiếc xe như muốn tuột xuống, tuột xuống. Tôi không nhảy được, hai chân cố giữ bàn đạp, cả người cố gồng lên. Nhưng chiếc xe vẫn từ từ tuột. Tôi không chịu nổi nữa, ngực tôi nặng như đeo chì, hơi thở đứt quãng. Phen này thì chắc chết. Bà khách thấy xe tuột dần thì la lên chói lói, nhảy xuống cũng không xong vì kẹt hai thùng cá. Tôi buông xuôi, nhắm mắt chờ xe lật ngựa và thế là xong một đời.

Nhưng, hình như có một sức mạnh thần kỳ, chiếc xe khựng lại một lát và đi lên như có ai đẩy. Tôi mở mắt nhìn lui thì thấy Nhân đang gò lưng đẩy xe từ phía sau, chiếc xe lên dốc rồi đổ dốc, an toàn đến chợ. Tôi gặp lại Nhân như thế đó, và Nhân đã cứu tôi lần nữa như đã cứu tôi một lần lúc thằng Hồ Lê bắt tôi chui qua hàng thuở còn đi học.... Ngồi ở quán bún ngay góc Trương Minh Giảng và Trần Quang Diệu, tôi ăn ngon lành hai tô bún thịt nướng đầy rau xanh. Nhân không nói gì, ngồi nhìn tôi với đôi mắt ngập nước mắt thương xót. Nhưng khi tôi định gọi thêm tô thứ ba thì Nhân ngăn lại:

- Cậu đã không chết vì đói thì đừng nên để chết vì no. Cứ từ từ. Sẽ không phải đói nữa đâu.

Nhân rút từ túi ra một cọc tiền lớn, trả tiền bún xong, Nhân ngắt đôi cọc tiền, đưa tôi một phần và bảo:

- Cậu giữ số tiền này mà sống. Người ta đang chuẩn bị cho các trường đại học hoạt động trở lại rồi. Cậu nên tiếp tục học hy vọng kiếm được một việc làm trong chế độ mới. Cậu ốm yếu lại quá thật thà đến hóa ngu, không làm buôn bán lợc lừa, không làm phu xe, bốc vác được đâu!

- Nhưng tiền đâu cậu có nhiều thế. Mấy tháng nay cậu ở đâu, làm gì???

- Từ từ rồi sẽ biết. Mình sẽ kể cho cậu nghe. Xong rồi mình sẽ về Đà Nẵng. Chốn này không còn là chỗ dung thân của mình nữa rồi. Đã đến lúc mình phải chấm dứt mọi sự giả dối. Mình sẽ nói hết sự thật cho ba mình. Chắc chắn sự thật sẽ làm cho ông cụ đau đớn, nhưng thế sẽ tốt hơn, cho mình và cho cả ông cụ. Im lặng một lát, lăm lét nhìn quanh, Nhân ghé miệng sát tai tôi, thầm thì: "Mình đang bị truy nã."

5.

Mấy tháng trước, chúng tôi chia tay nhau vì cả hai đang lâm vào cảnh đói ăn thê thảm, Nhân bỏ đi và lang thang vào khu Chợ Lớn. Nhân kể là vào đó hy vọng sẽ không gặp ai quen, đồng thời mấy ông Ba Tàu chắc cũng có đời sống, sinh hoạt khá hơn người Việt, dễ kiếm cơm hơn. Nhưng suốt một ngày từ chợ Hòa Bình, rồi qua chợ Kim Biên đến chợ Bình Tây vẫn chưa kiếm được mối nào nhờ giúp việc. Nhân mở miệng đề nghị chủ hàng để được bốc vác thì chủ hàng nhìn Nhân đầy nghi ngờ. Bởi chàng ta vẫn còn bỏ áo trong quần, nai nịt đầy đủ, chân còn mang đôi giày da tuy đã cũ sòn, lại thêm cặp kính đen che đôi mắt sùm sụp. Ai lại tin người có vẻ trí thức như vậy chịu làm chuyện của người lao động. Chắc có mục đích gì đây. Nghe ngóng? Theo dõi?... Nghi là phải. Mà lúc này xã hội mới hình thành một lối sợ hồ và đầy nghi ngại với tất cả mọi người. Chẳng ai tin ai. Cũng may vỉa hè, quán sá, phố phường cũng không thiếu những anh chàng có vẻ ngoài như vậy lê bước với khuôn mặt chán chường và tuyệt vọng. Cho nên Nhân cũng không bị để ý lắm.

Trời tối, đói meo, Nhân lê gót đến ghé đá cạnh tượng ông chủ họ Quách, người lập ra ngôi chợ này. Bức tượng đã bị đem đi đâu mất, chỉ còn cái bệ tượng chợ vỡ. Có ba người thanh niên đang ngồi nhậu trên đó. Họ ngồi quanh, ở giữa có đĩa mồi là con gà luộc da vàng óng. Cuộc nhậu hình như mới bắt đầu, ly rượu mới chuẩn bị xoay tua. Ngôi chợ vắng vẻ, ánh đèn vàng vọt và âm thanh chỉ là tiếng chổi quét lẹt quẹt của người phu quét chợ. Nhân ngồi ở ghế đá nhìn lên, con gà hấp dẫn quá. Hắn nuốt nước bọt liên tục. Đã mấy lần quay đi và cũng đã nhiều lần nhìn lại. Con gà vẫn bóng lưỡng khêu gợi tênh hênh giữa chiếu nhậu...

Bỗng nhiên Nhân tì tay vào ghế đá, bắn người lên. Đôi chân vừa chạm đất quét ngang, con gà bay lên nằm gọn trong tay Nhân. Ba gã thanh niên quá bất ngờ, không kịp một phản ứng nào. Nhân ngoạm một miếng vào đùi gà, nhai nhồm nhoàm. Ba gã thanh niên đã định thần, cùng hét lớn xông vào đũa đâm, đũa đá, đũa lên gối. Nhân vừa nhai, vừa cầm chắc con gà, xoay nhiều vòng, hai chân đạp hai gã gần nhất đang chồm tới, tay còn lại đâm vào ngực gã kia. Ba tên bị bắn lui, kinh hoàng. Ba gã lại tiếp tục hè nhau tấn công thêm mấy bận nữa, nhưng chẳng làm gì được Nhân. Nhân vừa nhai vừa né đòn, rồi ra đòn nhưng chỉ mấy miếng đâm đá không nhằm chỗ hiểm. Cuối cùng cả bọn dừng tay. Gã râu xồm có vẻ đầu đàn hất hàm nhưng trong giọng nói có chút vị nể:

- Ông bạn ở đâu mà dám đến đây cướp gà của tụi này?

Nhân dùng nhai:

- Tôi đói quá, định xin mấy người anh em chút gì bỏ bụng, nhưng biết chắc là khó nên đành cướp vậy. Có gì các anh thứ lỗi.

- Ông ở băng nào mà ngón nghề cũng oách quá vậy?

- Chẳng có băng nào cả, thất nghiệp lang thang thôi....

Lời qua tiếng lại một hồi, hiểu được nhau. Giang hồ vốn trọng người tài, nên rồi cả bọn ngồi chung chiếu, nhậu suốt đêm thâu. Từ đó, Nhân nhập băng, lần hồi nhờ tài võ nghệ cộng với trí thông minh, hắn trở thành đại ca của băng chợ Bình Tây, từ từ lan ra một vùng khá rộng của khu Chợ Lớn, dưới trướng có vài chục đàn em, cùng nhau hành hiệp. Lúc đầu chỉ quanh quẩn công việc ở các chợ, lần lần nhảy vào bán mua, rồi buôn lậu đường dài. Càng ngày càng lún sâu vào chốn giang hồ phạm pháp, tên tuổi của trùm Nhân nổi tiếng khắp chốn giang hồ là một đại ca mưu mô tuyệt diệu mà võ công lại vô cùng thâm hậu, được đàn em vô cùng quý mến, tôn sùng. Tiền bạc vô ào ào. Nhớ bạn đang nghèo nhưng mặc cảm đang là thằng tướng cướp nên chẳng dám về tìm lại.

Giang hồ có lãnh địa riêng, bán buôn cũng chia từng khu vực, các băng nhóm không được xâm phạm, vi phạm là sẽ có máu đổ ngay. Nhưng không lún sâu nhau thì không tồn tại và phát triển được, nên đụng độ nhau là chuyện không thể tránh. Sau mấy tháng làm đại ca, một cuộc tranh chấp lãnh thổ và mối lái giữa băng của Nhân và băng ALũ xảy ra. Đây sẽ là trận lớn, cả hai bên trang bị mã tấu, ống nước inox, dao bầu, kiếm nhọn. Một trận huyết chiến, một mất một còn, máu me tràn ngập chắc chắn sẽ không tránh khỏi. A Lũ là một đại ca máu mặt ở vùng này, trước tháng 4.75 là trùm khu Chợ Lớn – Phú Lâm, bị Ban bài trừ du đảng của cảnh sát Sài Gòn bắt giam ở Chí Hòa, được thoát ra trưa 30. Hắn ngựa mất trước ảnh hưởng càng ngày càng lan rộng của băng thằng Nhân, nên quyết đấu.

Nhân không muốn cuộc chiến diễn ra ồn ào, công an xuất hiện là điều bất lợi cho bản thân hắn và lũ đàn em, nên đến gần giờ máu đổ, Nhân đề nghị đấu tay đôi với A Lũ. Bên nào thắng sẽ được trọn quyền hoạt động toàn khu, bên thất bại sẽ giải tán hoặc gộp chung thành đàn em của băng thắng. A Lũ đồng ý ngay, bởi hắn là một tay võ sư có hạng của võ Thiếu Lâm. Hắn nhìn thân hình hơi thấp và dáng thư sinh của Nhân nên có vẻ xem thường. Cuộc đấu tay đôi sẽ diễn ra trong nghĩa địa nhĩ tì khu cây da xà lúc nửa đêm.

Hai thằng đúng là kỳ phùng địch thủ, bất phân thắng bại. Hơn nữa, Nhân cố tránh không sử dụng đòn chí mạng, chỉ muốn làm cho A Lũ và đám đàn em hắn tâm phục khẩu phục, nên cuộc chiến kéo dài hơn tiếng đồng hồ. Hai bên ra lệnh không được hò reo, tránh sự chú ý. A Lũ đúng là một tay võ lâm đầy tài nghệ. Hắn tránh được nhiều đòn của Nhân và cũng phản đòn rất dũng mãnh. Cuối cùng, không muốn kéo dài cuộc chiến, Nhân phải sử dụng đến ngón đòn giết người rất nguy hiểm. Hắn bám mình bay đến bức tường sau lưng A Lũ, chạy như gió trên tường rồi bắn ngược trở lại, tung cước ngay đầu A Lũ, A Lũ gục xuống như thân chuối bị đốn. Đấu trường xôn xao. Cùng lúc ấy có tiếng chân chạy sầm sập, tiếng còi thổi và bóng nhiều công an xuất hiện ở cổng nghĩa trang. Cả bọn tháo chạy. A Lũ cố gượng dậy nhưng không nhấc mình lên được. Đã chạy đi rồi, quay nhìn lại thấy A Lũ quần quai không gượng dậy nổi, Nhân quay lại cõng A Lũ trên vai và cố thoát khỏi vòng vây. Nhưng không kịp. Ba công an kèm sát chân anh, ôm chặt lấy Nhân, quật xuống và tra còng . . .

Nhân bị giam ở đồn hai ngày, hai tay bị còng vào song cửa sổ, chờ xe chở về Đắc Nông, nơi tập trung đám giang hồ bị bắt cải tạo lao động. Bọn đàn em bắt tin sẽ tìm cách giải cứu đại ca, đồng thời báo cho biết A Lũ chỉ bị trọng thương, đang nằm ở bệnh viện, công an canh giữ sát sao, nhưng liệt nửa người dặt dẹo. Thời đó chẳng có tòa án, cũng chẳng xét hỏi, lập hồ sơ, cứ thế mà đi thẳng vào trại, chẳng biết ngày về.

Nhân nghĩ chỉ có giải pháp duy nhất là phải trốn thôi, không thể giam mình trong trại không lối thoát như thế được. Nửa đêm đó, chờ mọi người ngủ say, Nhân lấy hết sức bình sinh, bẻ song cửa sổ, hai tay còn dính còng, trốn thoát. Anh chạy về sào huyết báo tin cho đàn em, từ biệt chúng, chia chác tiền bạc và sáng hôm sau đi tìm tôi. Và chúng tôi đã gặp nhau ở dốc chân cầu Trương Minh Giảng, khi tôi chuẩn bị tuột dốc. Tôi hỏi Nhân:

- Cậu mua vé tàu xe gì chưa?

Nhân bảo:

- Mình tránh mua vé, sợ bị lộ. Mình sẽ đi bộ về Đà Nẵng, gặp đâu xin đi đó, được đoạn nào hay đoạn đó, chứ đi tàu dễ bị xét hỏi lắm, chắc là khó thoát.

Và chúng tôi chia tay nhau. Lúc ấy là cuối năm 1976.

6.

Tôi được ghi tên đi học lại, khóa chúng tôi được nhập chung với sinh viên Sư phạm thành trường Đại học Sư Phạm Thành phố. Nhờ số tiền Nhân đưa, tôi sống được thời gian dài, dù cũng chỉ tạm đủ ngày hai bữa cơm rau ở căn tin và qua lần đổi tiền lần thứ hai 1978. Cuộc sống trôi đi, học hành rồi ra trường, tôi ra trường cũng gặp chút khó khăn lúc phân công tác. Lý lịch xấu quá, đen thui. Con công chức cao cấp chế độ cũ. Bản thân thiếu phần đấu. Nhưng rồi trời thương, được vài người giúp đỡ, tôi được phân công về dạy ở một trường cấp 3 heo hút ở Củ chi. Cuộc sống cũng được cho là ổn. Tôi cố tìm cách liên lạc với gia đình, nhưng thư gửi đi mà không có hồi âm. Tôi cũng chẳng nhận được lá thư nào từ Pháp gởi về. Cũng chẳng nhận được chút tin tức nào của Nhân. Tất cả im lìm như nắm mộ.

Đầu năm 1978, tôi nhận được một lá thư từ nước Pháp. Lá thư của em gái tôi, cô em duy nhất mà khi tôi rời Việt Nam, em mới 14 tuổi. Em gởi từ Mỹ qua địa chỉ cũ của tôi ở Montpellier từ cuối năm 1975, nay tôi mới nhận được. Trong thư em báo tin đã di tản qua Mỹ từ tháng 4.1975, hiện ở New Hampshire, miền đông nước Mỹ đồng thời cho biết ba tôi đang bị học tập cải tạo tại Hàm Tân. Tôi chạy ra Hàm Tân thì được tin ba tôi đã bị chuyển ra Bắc, đang ở Hà Nam Ninh. Mùa hè năm 1978 tôi ra bắc, lên Hà Nam Ninh thăm nuôi ba nhưng không được gặp mặt, đến năm sau ra lần nữa thì được tin ba tôi đã chết trong trại. Trên đường từ bắc xuôi nam, tôi dự định ghé Đà Nẵng thả nhang cho mẹ thì lại biết rằng nghĩa trang Nam Ô, nơi mẹ tôi nằm đã bị qui hoạch, mộ mẹ tôi không biết tìm đâu? Như vậy, từ khi rời Đà Nẵng năm 1968, tôi chưa trở lại chốn

này lần nào. Bởi chẳng còn gì để tôi trở lại, cha mất chưa tìm được xác ở chốn xa xôi. Mẹ mẹ bị san bằng không dấu vết. Nhà cửa không còn. Trở lại chỉ thêm buồn đau và hờn tủi.

Tôi lập gia đình, sinh con. Quẩn quanh với cuộc sống từ những khó khăn và thiếu thốn. Cuộc sống cứ thế trôi đi. Những kỷ niệm của ngày xưa lần hồi phai mờ. Phải tập quên để sống. Phải cứ hướng tới phía trước để tồn tại. Cho đến 2010, khi tôi tròn 60 tuổi, về hưu, con cái cũng đã lớn, đã yên bề gia thất. Nhiều đêm không ngủ được, tuổi mới chớm già mà cứ nhớ đến quá khứ đến quất quay. Tôi nhớ Nhân, nhớ đến những năm tháng đã qua đi và sẽ không còn trở lại. Không biết bây giờ Nhân sống ra sao, còn ở Việt Nam hay đã trôi dạt xứ nào. Thời gian quá dài, quá nhiều đổi thay, quá nhiều bất trắc. Không biết những nơi chốn xưa có còn như cũ nữa không? Biết bao là hình ảnh, biết bao là câu hỏi cứ quẩn quanh....Tôi mua vé bay về Đà Nẵng, tìm lại kỷ niệm xưa, đồng thời tìm lại người bạn thân yêu đã một thời gắn bó.

Thành phố không còn như cũ nữa, nhiều đổi thay Những dấu vết kỷ niệm đã bị mất dấu. Tôi ngu ngơ giữa thành phố xa lạ. Chẳng gặp người quen, chẳng tìm ra cảnh cũ. Tôi lang thang quẩn quanh ở chợ Cồn, nơi ngã tư. Chỗ đó hồi xưa là nơi thường ngày tôi qua. Ngày xưa, bên này là cây xăng, bên kia là cư xá Đoàn Kết của quân đội, bên kia đường là nhà sách Văn Hóa, nơi tôi thường mua sách. Xuống một chút là cà phê Xướng, nơi bán những ly cà phê đượm hương beurre Bretel và bánh mì thịt thơm nức mũi ba tôi thường ăn mỗi sáng. Đi qua đường rầy của đường Hùng Vương, có xưởng vẽ của họa sĩ Trần Viết Hậu, người họa sĩ già mà ngày nào đi học ngang qua, tôi cũng dừng chân đứng lại một chút để nhìn ông ta vẽ, tôi mê hội họa từ những nét vẽ của ông. Tất cả biến mất, chẳng còn dấu vết. Tôi đi loanh quanh cả chục lần chốn cũ mà không tìm thấy chút hình ảnh nào sót lại. Ở góc phố, tôi dừng lại mua gói thuốc. Ông già bán thuốc tóe bạc chải mượt có khuôn mặt rất quen, quen lắm, nhưng tôi vẫn chưa nhớ ra được. Tôi băng qua đường, đốt thuốc nhìn qua. Ông già đốt thuốc hút, hai ngón tay cầm điếu thuốc hững hờ, điệu nghệ. Nhìn hình ảnh đó, tự nhiên gọi tôi nhớ đến một người, tôi băng nhanh qua đường, ôm lấy vai người bán thuốc:

- Thầy Thanh, Thầy Thanh, phải Thầy không? Thầy nhớ con không?

Thầy Thanh ngỡ ngàng nhìn tôi, ngờ ngờ:

- Phải, tôi là Thanh đây, trước đây tôi có thời dạy học. Anh là ai mà biết tôi?

- Con là Ngọc. Ngọc con ông Đốc Kim, học trò của thầy hồi đó.

Thầy ôm vai tôi, ngấn nước mắt:

- Tôi nhớ ra rồi... Anh về hồi nào?...Trời ơi lâu quá rồi, lâu quá rồi...

Mấy chục năm rồi nhỉ? Phải hơn bốn chục năm rồi. Đúng không? Tôi và thầy Thanh ngồi trong quán cà phê, nhắc hoài chuyện cũ. Nhắc đến người đi, kẻ ở, kẻ mất người còn. Nhắc đến những đổi thay. Tôi hỏi thầy có nhớ Nhân không, thầy bảo làm sao quên được người học trò đặc biệt ấy. Thầy cho biết bây giờ Nhân khó khăn lắm, cũng khó gặp vì Nhân tìm đủ cách để tránh mọi người. Nghe như Nhân đạp xe ba gác chở rau ở chợ Thanh Khê, đến đấy tìm chắc gặp. Thầy còn cho biết Hồ Lê bây giờ làm chức lớn lắm, cũng có ghé Thầy mấy lần, có khi còn tặng quà.

Tôi tìm về chợ Thanh Khê, hồi xưa đây là xóm chài ven biển, nghèo lắm. Bây giờ nhà cửa cao ngất như phố thị. Lân la ở chợ, hỏi nhiều người tôi tìm vào nhà Nhân men theo con đường nhỏ loằng ngoằng, sâu trong mấy cánh đồng còn sót lại, nhà cửa thưa thớt, chung quanh toàn rác rưởi. Căn nhà như cái lều, phía trước có khoảnh sân nhỏ, rào thưa. Con chó gầy còm đang phơi nắng thấy người lạ cất tiếng sủa yếu ớt. Sân vắng, tôi gọi mãi không thấy ai. Một lát sau, một cái đầu bù rối hiện ra nơi khung cửa cất tiếng ồm ồm:

- Hỏi ai?

Tôi bảo:

- Tìm Nhân.

Lại cái giọng ấy:

- Nhân đi vắng rồi.

Người đàn bà hiện ra, khuôn mặt lộ diện dưới ánh nắng. Một khuôn mặt rất quen. Tôi nghĩ vẫn chưa ra.. Tôi bảo:

- Khi nào thì Nhân về? Tôi đợi được không?

Người đàn bà nhìn tôi trân trân. Khuôn mặt quen lắm. Tôi vẫn chưa nhớ ra nổi khuôn mặt rất quen này. Tôi chào và đi ra ngõ. Con chó lười biếng không tiếng sủa. Người đàn bà nhìn theo lẩm bẩm chi đó không nghe được. Tôi ngược ra đầu ngõ, ngồi ở quán bên đường, đợi Nhân.

Tôi đốt đến điều thuốc thứ ba thì trí nhớ vỡ oà. Đúng là chị Đầm rô. Chị Đầm rô bán quán chè đậu rất ngon, giọng nói ồ ề. Chị Đầm rô dạy tôi hút thuốc lá. Chị Đầm rô có ánh mắt ngưỡng mộ Nhân. Phải rồi. Đúng là khuôn mặt của chị Đầm. Nhưng sao chị lại ở trong nhà của Nhân?

Tôi không cách gì nhận ra Nhân. Nhân ngồi đó, trên chiếc ghế đầu trợ trợ giữa sân, trong ngôi nhà có khoảng rào thưa, dưới chân có con chó gầy gò quanh quẩn. Ly rượu cầm tay, miếng mồi chỉ là con cá khô nhỏ và đĩa ớt trái đỏ rực. Không còn nét nào của Nhân ngày xưa. Đó chỉ là lão nông ngồi uống rượu buổi chiều. Những lọn tóc duyên dáng cũ đầu mất rồi, chỉ còn một nhúm tóc lơ thơ lốm đốm bạc, bết lại nằm lác lõng trên vàng trán hói. Đôi môi đỏ cũng đã không còn, chỉ còn lại một khóe miệng khinh bạc, thâm xỉ và móm mém, hàm răng trống rỗng khiến cho khuôn mặt như choắt lại. Da mặt bì bì, thâm tái, men mét của người mắc bệnh gan kinh niên. Những nếp nhăn dồn dập làm cho khuôn mặt héo hon như trái táo tàu khô. Đôi mắt trũng, mờ tối, đầy khói u ám. Đầu mất rồi ánh mắt sáng rực đầy sát khí của Nhân bốn mươi năm trước. Siêu nhân đây ư? Tắm gương của nhiều bậc cha mẹ đây sao? Niềm mơ ước của nhiều người!!! Chỉ còn lại là một tấm thân tiêu tụy và hom hem thâm sâu. Chắc chắn là không phải là sự tàn phá của thời gian. Thời gian không thể xóa hết dấu vết của một con người tàn nhẫn đến như thế. Chỉ có nỗi đau đớn của cuộc đời, tuyệt vọng, tủi nhục, cay đắng và sự thất bại cùng cực mới làm cho một con người đổ gục đến vậy. Nhân hoàn toàn mang hình dáng của một con người khác.

Tôi ôm Nhân, những giọt nước mắt trào ra ướt mặt. Từ thân thể Nhân bốc lên một mùi nặng nặng. Mùi chua của mồ hôi lâu ngày, mùi úng thối của rau củ, mùi rượu trộn lẫn với mùi bụi đời đắng cay. Tôi lại khóc. Tôi cầm lấy tay Nhân, bàn tay nhiều vết xước, màu da đen tái lốm đốm mụn cây trái, những móng tay cũng đầy nhựa, nứt nẻ, nhiều vết chai sần. Tôi nhìn xuống đôi chân của Nhân. Đôi chân cũng khẳng khiu, sứt sẹo, đen xì, những chiếc móng đầy cấu ghét, đôi dép đứt quai được buộc lại bằng sợi dây nhựa đỏ, đế mòn vẹt. Lúc đầu Nhân hững hờ ôm vai tôi, rồi bỗng siết chặt và người Nhân rung lên. Tôi khóc như trẻ con. Bỗng Nhân buông tay và nói như mắng:

- ĐM, mày vẫn như xưa, lúc nào cũng âm ướm.

Tôi lại thêm một ngạc nhiên, không những Nhân đổi thay hình dáng, mà còn thay đổi luôn cách xưng hô, và biết chửi thề. Suốt thời gian dài quen biết nhau, chưa bao giờ chúng tôi xưng hô mày tao với nhau, chỉ gọi nhau là cậu tớ. Tôi chưa một lần nghe Nhân buột miệng chửi ai. Tôi trở mắt nhìn Nhân, trời ơi, Nhân ngày xưa đã chết thật rồi. Biết đổ lỗi cho ai đây, hoàn cảnh, cuộc đời hay thời thế. Hay là đổ cho số phận.

Tôi ở lại với Nhân ba ngày còn lại của chuyến đi. Ban ngày hai đứa lang thang với những chốn kỷ niệm cũ, lê la các hàng quán. Đêm về, hai đứa kể nhau nghe những chuyện của đời nhau, những chuyện đời buồn nhiều hơn vui. Tôi mua sắm nhiều vật dụng cần thiết của cuộc sống, chị Đầm rất vui khi nhận những món quà này, riêng Nhân vẫn đứng đưng...

7.

Hồi đó, cuối năm 1976, Nhân vội vã trở về Đà Nẵng để trốn lệnh truy nã. Chuyến đi kéo dài hơn tuần lễ: đón xe dọc đường từng chặng, có khi đi bộ suốt buổi. Suốt đoạn đường cũng chẳng có chuyện gì. Nhưng hôm từ Bình Định về Quảng Ngãi, sau một bữa nhậu say quắc cần câu với cánh tài xế, sang hôm sau khi tỉnh rượu, Nhân thấy mình nằm ở vệ đường ở Mộ Đức, tiền bạc trong túi bị tước hết. Hai tên tài xế cho Nhân đi nhờ biển đầu mất. Cũng may, Nhân đã chia nhỏ bó tiền, để mỗi nơi một chút, nhờ vậy, cũng còn chút tiền dầu trong đôi giày, dù không nhiều lắm. Đến Đà Nẵng nửa đêm, căn nhà cũ của gia đình nay đã biến thành cơ quan của chính quyền mới. Lang thang suốt đêm, thấy mình như kẻ xa lạ ở một thành phố khác. Lân la quán cà phê gần ngôi nhà cũ từ tờ mờ sớm, Nhân biết được gia đình mình đang ở trong một con kiệt nhỏ cuối đường Hoàng Diệu, gần đường rầy xe lửa. Ngôi nhà ngày xưa đã bị trưng dụng từ khi cách mạng về, ba Nhân nhờ ngày trước có tham gia kháng chiến chống Pháp, trước 75 cũng có thành tích nuôi giấu cán bộ gì đó, nên không bị đi học tập cải tạo, nhưng không được sử dụng.

Nhân vừa bước vào ngõ, ba Nhân đã nhận ra ngay. Ông cuống quýt ôm lấy Nhân, miệng cứ lặp lại mãi một câu hỏi:

- Về lúc nào? Sao lại về? Về lúc nào? Hành lý đâu?

Nhân cũng ôm lấy cha, nước mắt giàn giụa:

- Ba ngồi xuống đây nghe con nói, ba ngồi xuống đi.

Nhân quì dưới đất, lạy mấy lạy, cứ lập đi lập lại:

- Ba ơi, con bất hiếu không làm được ước nguyện của ba rồi, rồi lại lạy.

Ông Đốc ngồi sững sờ, mang máng hiểu đã có một tai họa tày trời. Niềm tin của ông, lẽ sống của ông. Sao lại thế này? Nhân vừa khóc, vừa lạy, vừa kể hết mọi chuyện. Lâu lâu lại nấc lên, nước mắt đầy mặt. Ông Đốc có cảm giác như ngàn lưỡi dao đâm vô ngực, xoáy mạnh. Tai lưng bùng, trái tim như đang có bàn tay ai bóp nghẹt. Đầu óc choáng váng, trái đất như sụp dưới chân ông, ông thấy khó thở, trước mặt chỉ là một khoảng tối vô tận.

Nhân kể lễ không biết bao lâu, không thấy ông Đốc động tĩnh gì. Nhân ngước lên, nắm lấy tay cha. Anh hoảng hốt như điện giật, tay ông Kim lạnh ngắt như nước đá, cứng đờ. Nhân hốt hoảng ngồi lên, nhìn thấy khuôn mặt trắng bệch, hai mắt mờ trùng trùng của ba mình, anh hét lên:

- Ba ơi, con giết ba rồi, ba ơi!!!

Ông Đốc đã tắt thở từ lúc nào, mặt đanh lại, hai mắt vẫn mở, hai hàm răng nghiến chặt, giận dữ.

Đám ma diễn ra lạnh lẽo, chỉ còn hai anh em: Nhân và cô em gái. Cô em kể Nhân bị bệnh thần kinh không biết lang thang ở đâu mà bị cưỡng hiếp có bầu, rồi băng huyết lúc sinh, chết hồi đầu năm. Đứa em bị bệnh down thì mất tích trong những ngày chộn rộn cuối tháng ba năm bảy lăm. Thành em trai kể Nhân nghe nói đi bộ đội đóng ở Tây Ninh, nhưng chẳng có địa chỉ liên lạc. Hôm đưa đám trời lại mưa suốt buổi, hai anh em mặc áo xô, chóng gậy trông thảm thiết giữa đồng trống. Nhân không khóc, nhưng hai mắt đỏ ngầu.

Đám tang xong xuôi, Nhân đi tìm Dạ Lan. Gia đình Dạ Lan cũng lâm vào bi kịch. Hôm Dạ Lan về Huế thăm bà ngoại, gia đình ông Bửu Hân tổ chức vượt biên. Hai vợ chồng và cậu con trai bị bão tố chìm xác xuống đáy biển, chuyển đi đó chỉ có mấy người được tàu lớn cứu thoát, tạm ngụ ở Hồng Kông. Nhà bị tịch thu vì tội phản quốc. Dạ Lan xin được ở lại trong căn phòng nhỏ dành cho người giúp việc ở góc sân cùng với cây đàn piano. Không biết vì lý do nào, những người phụ trách cũng chấp nhận.

Nhân nhiều lần tìm đến chỗ ở của Dạ Lan, nhưng nàng không tiếp, cứ trốn tránh mãi. Sau cùng, hai người gặp mặt nhau, Dạ Lan cho biết nàng đang mang thai, nhưng không cho biết cha đứa bé là ai. Sững sờ. Nhưng Nhân chấp nhận tất cả, chỉ mong ước được sống cùng nhau. Nhân cũng không tìm hiểu ai là cha đứa bé... Sau này, Nhân mới biết rằng cái bào thai là kết quả của cuộc trao đổi để nàng được ở lại căn phòng nhỏ đó cùng với cây đàn.

Và hai người đồng ý chung sống, không lễ cưới, không hôn thú, trong căn phòng chật hẹp dưới gốc cây ngọc lan, kết cục một cuộc tình như thế cũng là một đoạn kết đẹp vì lúc bấy giờ là thời kỳ loạn lạc, nhiều bất trắc. Nhưng cuộc sống không phải chỉ có tình yêu là đủ. Nhân không tìm đâu được việc làm, vì cũng chẳng có giấy tờ chứng minh năng lực, lý lịch lại mù mờ mà cũng vì thời bấy giờ phải có mối quan hệ nhất định nào đó mới có thể kiếm được việc... Loay hoay mãi với cơm áo, cuộc sống gia đình bắt đầu thiếu vắng tiếng cười. Lương cô giáo của Dạ Lan với tiêu chuẩn mười ba kí gạo bây giờ phải chia ra cho hai người, những bữa cơm toàn顿 sẵn khoai với bo bo, canh rau và cá hầm. Mùa đông năm đó, Dạ Lan bị tai nạn xe cộ lúc đi dạy học về, chiếc xe đạp cong niềng, gãy phuộc. Dạ Lan chỉ bị trầy xước nhưng lại bị hư thai, máu nhuộm đỏ phần dưới cơ thể. Không biết kiếm đâu ra tiền, Nhân đành bán chiếc piano lấy chỉ vàng lo thuốc men cho vợ. Ở bệnh viện về, biết chiếc đàn đã bị bán, Dạ Lan im lặng suốt cả tháng, chẳng hé một câu nào. Nhân thấy mình có lỗi, và Nhân nhớ dự định của mình khi bước đầu du học, sẽ mua cho Dạ Lan chiếc đàn piano tốt nhất lúc tốt nghiệp trở về.. Dự định không thực hiện được lại đem bán chiếc đàn kỷ niệm của Dạ Lan. Nhân cảm thấy mình hèn hạ và bất lực.

Thời kỳ này, người ta rủ nhau đi săn trâm, kiếm được rất khá. Trước bức bách của đời sống và nỗi buồn khó nguôi của Dạ Lan, Nhân quyết định vào núi tìm trâm, mong đổi đời, hy vọng sẽ mua lại đàn cho vợ chiếc đàn khác.

Rừng rú bao la, ngậm ngùi tìm trâm, những chuyến đi nhiều khi kéo dài cả mấy tuần. Cả bọn sống như dân du mục, đến đâu dựng lều trại ở đó. Tìm trâm là công việc chẳng dễ dàng gì, mưa gió, rắn rít, thú dữ... tất cả đều đáng sợ, có thể chấm dứt đời người bất cứ lúc nào. Nhưng đáng sợ hơn cả là con người. Lo nhất là lúc ăn

được trầm, đó là thời gian sinh tử, phải rời rừng ngay bất cứ giá nào, nếu muốn còn sống để trở về. Chỉ cần một phát đạn, hay chỉ là một nhát dao, một cú đâm từ sau lưng, số trầm vừa kiếm được sẽ không còn và tính mạng sẽ bị định đoạt. Sống như kẻ du mục và cư xử như những kẻ du thủ. Nhân hòa mình vào thế giới đó, và trở thành thủ lĩnh một nhóm ba người. Suốt mấy tháng gần như kiệt sức và cũng chẳng còn bao nhiêu vốn liếng, trầm vẫn là những giấc mơ. Cả bọn quyết định đi sâu vào rừng nguyên sinh, giáp ranh với vùng Tây nguyên. Trúng đậm. Có cả kỳ nam. Chuyến này sẽ đổi đời. Ba người run rẩy gói ghém, rời rừng. Mưa như trút.

Mỗi người một ba lô đầy căng trầm và kỳ nam. Trời nhá nhem, sấm sét xé trời, đi ngang qua một đường mòn, dưới là vực sâu thăm thẳm. Một nhóm cướp xuất hiện như từ dưới đất mọc lên. Tiếng nổ đầu tiên hạ gục ngay người đi đầu, xác rơi xuống vực cùng chiếc ba lô. Nhân hét như sấm, băng lên, nhắm vào thằng đầu đàn đang cầm súng, một cú song phi, tên cướp ngã ngựa, súng văng ra. Nhân nhanh chân đạp ngay báng súng, bật lên, cây súng nằm trong tay như một ánh chớp. Anh lên đạn, bắn chỉ thiên nguyên một tràng. Bọn cướp lớp lớp bỏ chạy.

Hai người chạy dưới mưa, băng qua con suối tràn nước. Hình như lũ về. Những thác nước trắng xóa ào ạt.. Nhân và người đồng hành lớp lớp bơi qua con suối. Nước dữ dội, cuốn phăng phăng. Cả hai mệt lử. Ranh giới sống chết. Đang cố chống trả dòng nước cuộn cuộn, Nhân nghe tiếng kêu thảm thiết của người bạn. Anh quay lại, nước đang kéo người bạn xa dần.. Nhân cố bưng tới, nắm được tay trơn tuột. Anh bạn sợ hãi, run rẩy, lắp bắp: “Cứu tôi..Cứu tôi.” Lại tuột tay, Nhân cố bơi tới, anh bạn buông mình xuôi dòng nước, chiếc ba lô của anh ta rời khỏi người trôi băng băng. Anh ta cố vớt theo nhưng không kịp. Nhân cố vượt lên, nắm được tay bạn, ghì hết sức kéo lại. Lại một đợt nước ào ạt, chiếc ba lô của Nhân tuột khỏi vai, trôi theo dòng nước dữ. Không tiếc, phải sống đã. Cố lên, gắng lên. Nước lũ đang về, những tiếng ào ào như sấm động. Nhân ôm bạn, cố vươn lên... Đến bờ, lại tuôn chạy trốn lũ. Người bạn như cái xác không hồn, líu díu chạy theo Nhân. Mưa rất mật. Những cành cây quất vào thân thể. Cứ bưng tới... Bưng tới. Để sống.

Cả hai chạy ra tới bìa rừng, bên kia là quốc lộ. Sống rồi. Hai người ôm lấy nhau, nước mắt hòa nước mưa. Lại trắng tay. Đón được một chiếc xe của bộ đội. Sau khi ăn hai tô phở lớn ngút khói ở quán phở bên đường. Nhân thấy khỏe hơn và lúc đó anh mới thấy tiếc cái ba lô kỳ nam vừa mất. Một gia tài đã tuột khỏi tay. Ngồi trên xe dưới cơn mưa tầm tã, Nhân nhớ Dạ Lan đến cồn cào. Anh hình dung thân thể trắng ngà, thơm tho của vợ. Anh nhớ tiếng rên như mèo kêu của nàng khi cả hai lên đến đỉnh của yêu đương. Mái tóc dài xoa trên nền drap trắng. Nổi nhớ xôn xao trong dạ, anh mong về mau để được ôm nàng trong vòng tay với những lời yêu thương.

Nửa đêm Nhân mới về đến căn nhà nhỏ dưới cây ngọc lan. Phố vắng tanh. Mưa vẫn ào ạt. Anh đội mưa đi về, định tạo một sự ngạc nhiên cho Dạ Lan. Căn phòng đèn mờ sáng. Cửa chỉ khép hờ. Anh nhẹ nhàng đẩy cửa. Anh sửng người. Dưới ánh đèn mờ ảo, trên giường, những khoảng trắng da thịt loang loáng theo nhịp. Tiếng thở của người đàn ông, tiếng rên như mèo kêu của người đàn bà. Khốn nạn. Máu Nhân như đông cứng lại. Tim muốn vỡ ra. Hai bàn tay bỗng nắm chặt, gồng lên chuẩn bị một cú đâm.

Đôi chân muốn vọng động. Chỉ một cú tấn công, sẽ có người chết. Bỗng Nhân run rẩy như người mắc kinh phong, cả thân người giật không kiểm soát được. Những giọt nước mưa từ người anh đọng vũng trên sàn nhà. Đầu anh bỗng nhức như muốn vỡ ra. Tim loạn nhịp. Anh lặng lẽ đi ra, ngồi dưới gốc ngọc lan, mưa vẫn xối trên người anh. Nhân thấy mình bất lực, tự khinh mình. Anh chẳng trách ai cả. Chẳng qua cũng bởi tại anh, vì anh chẳng làm tròn trách nhiệm của một người chồng. Anh chỉ mang lại những nỗi đau. Nhân ngồi như bức tượng suốt đêm.

Trời gần sáng, chân trời sáng lên một vệt mờ. Có tiếng kẹt cửa, người đàn ông len lén đi ra, lặng lẽ đi về cuối phố Nhân chẳng cần biết đó là ai. Chỉ biết đó là người đàn ông đã ngủ với vợ mình suốt đêm qua. Từng đó cũng đã đủ. Trời sáng hẳn. Dạ Lan mở cửa, dắt xe ra. Nàng quay lại khóa cửa thì nhìn thấy Nhân. Thoáng một chút hoảng hốt. Nàng cất tiếng:

- Anh về hồi nào mà không vào nhà? Sao lại ngồi dầm mưa thế này?
- Về hồi hôm. Không vào vì căn nhà này không còn chỗ cho tôi nữa rồi.

Dạ Lan tái mặt, người như muốn ngã, nàng níu cánh cửa, hoảng hốt, lắp bắp. Chiếc xe ngã chổng chơ bên thềm. Không chờ câu nói tiếp của Dạ Lan, Nhân lặng lẽ đi nhanh ra đường. Phố bắt đầu một ngày mới. Anh bước mà chẳng biết đi đâu. Cả ngày hôm đó, Nhân say khướt. Mấy hôm sau anh rời thành phố, lại đi vào núi.

Gần nửa năm sau, Nhân mới lại về. Lần này trở về, Nhân định sẽ quên hết, sẽ sống lại với Dạ Lan, làm lại một chương mới. Quên tất cả. Nhưng, Dạ Lan đã không còn nữa. Một tuần lễ sau khi Nhân bỏ đi, không thấy Dạ Lan đến lớp, nhà trường đến tìm nàng thì phát hiện Dạ Lan đã treo cổ tự sát. Nàng mặc chiếc áo màu tím than, cổ quấn chiếc khăn quàng màu tím nhạt, đi đôi guốc cao cũng màu tím. Dây treo cổ siết làm cho lưỡi nàng thè ra, khuôn mặt cũng tím rìm.

Từ hôm đó, thành phố thêm một người điên. Nhân lang thang bờ bụi, lúc nào cũng say khướt, Áo quần càng ngày càng rách bươm, hôi hám, tóc tai bù xù, dơ bẩn. Ban ngày Nhân thường đi dọc biển, lượm những cành cây khô, bẻ nhỏ mang đến tiệm bán trầm hương, đòi bán với giá cao, khi người ta bảo không mua, đuổi đi, Nhân chửi một tràng tiếng Pháp và bắt đầu xô tiếng Tây giờ này qua giờ nọ, không ai hiểu. Đêm đến, anh múa võ trên hè phố, miệng lầm bầm tên Dạ Lan. Anh khóc cười vô chừng như mưa nắng. Anh sống trong một thế giới khác. Những người trước đây biết tài năng của Nhân, chỉ biết chép miệng lắc đầu, thương cho một số phận. Lúc đầu, bên công an nghi Nhân giả điên với mục đích mờ ám chính trị nào đó, nhưng rồi sau một thời gian thẩm vấn và theo dõi, chẳng thu thập được gì. Nhân sống như vậy gần hai năm dài, rồi bỗng dưng thành phố vắng bóng người thanh niên điên loạn nói toàn tiếng Pháp.

Nhân lại đi vào núi, đến Bồng Miêu rồi qua Phước Sơn đào vàng. Ở đâu anh cũng trở thành đại ca vì thế giới của những kẻ săn vàng là thế giới của bạo lực, giết nhau như cơm bữa, mà Nhân thì võ nghệ cao cường, nên đắc dụng trong cái thế giới máu và vàng đó. Hơn nữa, sau những biến cố của cuộc đời, Nhân bắt cần thân thể, liêu lĩnh và tàn nhẫn. Những đặc tính đó ở chốn giang hồ không xanh cỏ sớm thì chỉ là lãnh chúa. Nhân bắt đầu giàu có, những miếng vàng đào được biến Nhân thành một đại gia, tiêu tiền như rác. Anh về phố, mua một chiếc đàn piano mới cứng, thuê xe chở đến mộ Dạ Lan, ngồi suốt ngày đọc thoại với cỏ cây, giun dế. Khi hoàng hôn xuống, anh đốt chiếc đàn. Lửa cháy rừng rực sáng một góc nghĩa trang.

Trong một lần nhậu ở quán bên biển Mỹ Khê, sau khi đã chén choáng thì anh nghe ở bàn bên đang nói về anh. Một tay anh chị chắc cũng đã xin, nói với mọi người:

- ĐM, tưởng đi Tây đi Mỹ về làm ông này bà nọ, cuối cùng cũng chỉ là một thằng đi mót vàng. Lại thêm giết cha, giết vợ.

Nhân loạng quạng bước qua, chỉ vào mặt tên đó và bảo:

- ĐM mày là thằng nào mà dám trêu ông, mày vừa bảo gì, nhắc lại xem nào.

Thằng kia cũng chẳng phải tay vừa, đứng lên hùng hổ, nói chưa hết câu đã ngã vật ra giẫy đành đạch Nhân vung tay một cú atemi chặt vào gáy của địch thủ. Hấn chết ngay sau mấy cái giẫy. Cả quán xôn xao, đứng cả lên. Nhân lừng khừng bước ra quán, xiêu vẹo trên đường. Tay chủ quán bắt vào mạch của nạn nhân, hét lớn:

- Nó chết rồi, bắt cái thằng giết người lại.

Ai cũng la hét nhưng chẳng ai có một hành động cụ thể nào. Nhân bước ra ngõ, đi đến đồn công an bên kia đường, tự thú Án giết người, tòa xử 15 năm. Ở tù trên rừng, lao động đúng 9 năm thì Nhân được đặc xá. Tiều tụy trở về thành phố, Nhân chưa biết mình sẽ sống như thế nào thì cơn sốt rét ác tính quật ngã anh. Anh bất tỉnh bên vệ đường. Người đi đường mang anh vào nhà thương, anh mê man suốt mấy ngày, thân thể như cái xác ve, không một người thân chăm sóc. Số mệnh đẩy đưa, hôm đó chị Đằm vào bệnh viện thăm người quen. Đi tìm phòng, trời xui đất khiến thế nào mà chị nhìn ra Nhân đang thoi thóp trên giường bệnh. Chị ở lại chăm sóc cho Nhân mấy tháng ròng, lúc xuất viện chị đưa Nhân về nhà mình, tiếp tục lo miếng ăn, giấc ngủ cho Nhân. Và rồi họ sống như vợ chồng. Lúc trước chị Đằm ở bà Thạc Gián, bán rau ở chợ Cồn, sau đó khu bà bị quy hoạch, được đền bù được ít tiền thì chị gặp Nhân, lo thuốc thang cho Nhân, còn lại một ít, hai vợ chồng mua khoảnh đất ở Thanh Khê. Vợ bán rau còn chồng chạy xe ba gác, sống tạm cho xong một đời gần mười mấy năm nay, loay hoay mãi mà không đủ đút lỗ miệng.

Tôi, Nhân và thầy Thanh ngồi uống cà phê ở Bạch Đằng. Điện thoại của thầy Thanh reo, thầy bảo đến đi, đến đi, có Ngọc ngồi với Nhân, đến cho vui nhé. Tôi hỏi ai vậy, thầy bảo:

- Hồ Lê, Hồ Lê bữa trước gặp tôi có nói là khi nào ngồi với mấy anh thì bảo Lê ra cho vui.

Hồ Lê đến, vẫn to cao lừng lững, trông còn khỏe hơn xưa. Hấn mang vợt tennis, giày Adidas, áo thun cá sấu trắng kẻ sọc, nhìn như tài tử. Sau lưng hấn có hai thanh niên trẻ, đi kè kè, chắc là bảo vệ. Vừa bắt tay tôi hấn đã hát hăm:

- Chào. Lúc này mày còn sợ tao không. Tôi buột miệng:

- Sợ gấp đôi ngày xưa

Hấn cười cười:

- Sao vậy?

Tôi tiếp liền, sợ sẽ không dám nói nếu ngần ngừ:

- Ngày xưa tao sợ mày vì mày có sức mạnh, bây giờ mày vừa vẫn có sức mạnh lại thêm quyền lực, sợ gặp đôi là phải rồi.

Thầy Thanh giảng hòa:

- Anh em bạn cũ gặp nhau, mừng vui đi, hằm hè nhau làm gì hè.

Tôi chợt nhớ ngày xưa tôi hay chưởi thảm nó và tự bảo anh hùng mười năm trả thù chưa muộn. Bây giờ đã bốn mươi năm trôi qua, tôi vẫn là thằng dưới cơ.

Nhân bỗng lên tiếng:

- Mày biết ngày xưa tại sao thằng Hồ Lê ghét tụi mình không?

Tôi chưa kịp trả lời thì hắn nói luôn:

- Ngày trước hắn thêm cuộc sống của chúng ta mà không có được nên ganh tỵ. Bây giờ hắn có điều kiện, mày thấy không, hắn đang tập tành sống như ngày xưa cha ông chúng ta đã sống, ăn chơi, nhậu nhẹt, đánh gôn, chơi tennis, thể thao.

Thầy Thanh xoa tay:

- Thôi mà, cay cú nhau làm chi, vui với nhau đi.

Hồ Lê im lặng, chẳng trả lời. Hắn đang nghĩ gì nhỉ?

Bữa cuối ở Đà Nẵng, tôi đi mua cho Nhân đôi săng đan, hắn bảo mua dép nhựa để đi hơn, nhưng tôi nói thay đổi tư duy cho đời khá hơn đi, mang dép da vẫn tốt hơn chứ. Hắn cười: “ĐM, đương nhiên da phải hơn nhựa rồi”. Tôi rút hết tiền tiết kiệm được 37 triệu, tôi đưa hết cho vợ chồng Nhân. Chị Đằm cầm tiền cứ khóc mãi, cảm ơn tôi hoài. Tôi bảo với chị:

- Đây là tiền của Nhân, tôi gửi lại cho Nhân chứ không có ơn huệ gì trong sự việc này, chị đừng bận tâm. Sau này, cần gì cứ bảo tôi, tuy cũng chẳng giàu có gì nhưng tôi với Nhân là hai anh em, phải biết giúp nhau chứ.

Hôm tiễn tôi ra phi trường, chị Đằm khóc và Nhân cũng rơm rớm nước mắt khi ôm tôi.

8.

Tôi về Sài Gòn được nửa tháng thì chị Đằm điện thoại cho tôi. Bữa đó trời mưa, nghe tiếng được tiếng mát vì chị khóc nhiều hơn nói. Đại khái là Nhân đã bị tai nạn, xe lửa cán nát đôi chân của Nhân, không biết có qua nổi không? Gần Tết Nguyên Đán, mua vé quá khó khăn, tôi phải chầu chực hai hôm ở phi trường mới kiếm được cái vé bay ra. Nhân nằm đó, hai chân đã cưa đến bẹn, băng trắng cả phần dưới. Người hắn teo tóp, xanh mướt. Hắn cầm tay tôi, rưng rưng. Đôi săng đan mới mua để trên đầu giường. Nhân bảo:

- Mình để nó ở đây để nhớ đến cậu, cậu bảo mình trong năm tháng còn lại gắng bước qua số phận, mình cũng muốn bước qua, nhưng giờ còn chân đâu nữa mà bước, hử Ngọc. C'est bien!

Tôi khóc và ngạc nhiên vì thấy Nhân đã xưng hô như xưa, như cái thuở chúng tôi là những thanh niên với tương lai rộng mở. Và kiểu nói “C'est bien” làm tôi nhớ đến Andre Gide, năm 1951 lúc sắp tù trần, cũng bảo “C'est bien”, và nhà triết học Kant cũng thế, lúc sắp lìa đời cũng buột miệng: “Es ist gut”. Có phải là điềm gỡ chẳng. Hay là suy nghĩ của các thiên tài đối với cuộc đời điên dại này. Với tôi, Nhân cũng là một thiên tài, nhưng là thiên tài mắc đọa.

Chị Đằm kể hôm trước đi chợ rau ở chợ về, ngang qua đường rầy xe lửa. Có hai mẹ con đang băng qua đường rầy khi xe lửa đang ầm ầm chạy tới. Mọi người la oai oái, không biết phải làm gì Nhân bay từ chiếc xe ba gác, đẩy hai mẹ con ngã sấp phía bên kia, và Nhân kẹt đôi chân trên đường rầy, những bánh xe lửa nghiền qua, nát bét. Chị lại khóc và lo lắng. Tôi biết chị thương Nhân lắm. Thương từ khi Nhân ở đỉnh cao cũng như lúc Nhân ở vực sâu.

Có hai cô nhà báo và anh chàng quay phim của Đài Truyền hình vào phỏng vấn Nhân. Nhân được trở thành gương người tốt việc tốt. Nhân cầm bằng khen và bao thư, cô nhà báo giương máy ảnh cứ hét lên: “Cười đi,

cười đi..1..2..3... chụp nè”. Máy quay phim chạy sè sè. Mặt Nhân nhăn nhúm vì đau đớn. Chị Đằm thẳng thốt lo âu. Hôm ngồi trên máy bay về lại Sài Gòn, đọc trên báo thấy hình của Nhân, nụ cười như đang khóc.

Sài gòn, tháng 3.2011
ĐỖ DUY NGỌC